

DANH SÁCH CÁC LỚP HSSV ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2010 - 2011

(Kèm theo Quyết định số: 333/QĐ-ĐHSPKTND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

I. Lớp HSSV xuất sắc

STT	Lớp	Sĩ số	Tỉ lệ SV từ khá trở lên	Tỉ lệ SV từ giỏi trở lên	Số SV học lực kém	Cá nhân xuất sắc	Cá nhân giỏi	Danh hiệu khen thưởng
1	ĐL - Tin 4A	62	98,4%	35,5%	0	02	20	Tập thể lớp xuất sắc
2	ĐL - KTĐ 4	99	86,9%	19,2%	0	01	18	Tập thể lớp xuất sắc

II. Lớp HSSV tiên tiến

STT	Lớp	Sĩ số	Tỉ lệ SV từ khá trở lên	Tỉ lệ SV từ giỏi trở lên	Số SV học lực kém	Cá nhân xuất sắc	Cá nhân giỏi	Danh hiệu khen thưởng
1	ĐS - Tin 2A	40	97,5%	62,5%	0		19	Tập thể lớp tiên tiến
2	ĐS - Tin 2B	40	97,5%	55,0%	0		19	Tập thể lớp tiên tiến
3	ĐS - Ôtô 2	17	100,0%	35,3%	0		05	Tập thể lớp tiên tiến
4	ĐK - Tin 3C	56	73,2%	21,4%	0		11	Tập thể lớp tiên tiến
5	ĐK - ĐĐT 3B	60	48,3%	5,0%	0		03	Tập thể lớp tiên tiến
6	ĐS - KTĐ 2	19	89,5%	15,8%	0		03	Tập thể lớp tiên tiến

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN XUẤT SẮC NĂM HỌC 2010 - 2011

(Kèm theo Quyết định số: 7.74.../QĐ- ĐHSPTND ngày 27... tháng 10 năm 2011 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
1	1062010010	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐL - Tin 4A	3,69	Xuất sắc	LPHT
2	1062010059	Ngô Thị Thu	ĐL - Tin 4A	3,78	Xuất sắc	LPĐS
3	1062010063	Phạm Xuân Bắc	ĐL - Tin 4B	4,00	Xuất sắc	LT
4	1062010065	Ngô Tiến Chiên	ĐL - Tin 4B	3,94	Xuất sắc	LPHT
5	1062010093	Phạm Mai Lan	ĐL - Tin 4B	3,69	Xuất sắc	LPĐS
6	1062010137	Trần Thị Hằng	ĐL - Tin 4C	3,69	Xuất sắc	CHTHSV
7	1062040015	Trần Xuân Giang	ĐL - ĐTD 4	3,70	Xuất sắc	LPHT
8	1062030002	Lê Thị Anh	ĐL - KTD 4	3,69	Xuất sắc	LPHT
9	1062060015	Vũ Thị Thanh Ga	ĐL - Hàn 4	3,75	Xuất sắc	LPĐS

HIỆU TRƯỞNG



Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI NĂM HỌC 2010 - 2011

(Kèm theo Quyết định số: 777./QĐ-ĐHSPKTND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

I. Đối với sinh viên học theo học chế niên chế trong năm học 2010 - 2011

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
1	0771010008	Trần Thị Hà	ĐS - Tin 2A	8,34	Tốt	
2	0771010010	Nguyễn Thị Hạnh	ĐS - Tin 2A	8,05	Tốt	
3	0771010011	Nguyễn Thị Hân	ĐS - Tin 2A	8,34	Tốt	
4	0771010014	Trần Thị Hoài	ĐS - Tin 2A	8,07	Tốt	
5	0771010018	Dương Thị Thanh Huyền	ĐS - Tin 2A	8,39	Tốt	
6	0771010019	Vũ Thị Huyền	ĐS - Tin 2A	8,56	Xuất sắc	LPĐS
7	0771010023	Lê Thị Bích Liên	ĐS - Tin 2A	8,21	Tốt	
8	0771010025	Bùi Thị Loan	ĐS - Tin 2A	8,10	Xuất sắc	UV
9	0771010026	Nguyễn Tuấn Long	ĐS - Tin 2A	8,14	Tốt	LPHT
10	0771010030	Phạm Thị Thùy Minh	ĐS - Tin 2A	8,22	Tốt	
11	0771010031	Cù Thị Ngoan	ĐS - Tin 2A	8,05	Tốt	
12	0771010033	Vũ Thị Nhạn	ĐS - Tin 2A	8,00	Tốt	
13	0771010034	Vũ Thị Nội	ĐS - Tin 2A	8,04	Tốt	
14	0771010039	Bùi Phương Thảo	ĐS - Tin 2A	8,21	Tốt	
15	0771010040	Vũ Thị Thắm	ĐS - Tin 2A	8,23	Tốt	
16	0771010043	Lê Thị Thuỷ	ĐS - Tin 2A	8,35	Tốt	
17	0771010046	Vũ Đức Toàn	ĐS - Tin 2A	8,74	Xuất sắc	LT, TNTN
18	0771010047	Trần Huyền Trang	ĐS - Tin 2A	8,36	Tốt	
19	0771010049	Lê Thị Tươi	ĐS - Tin 2A	8,30	Tốt	
20	0771010050	Nguyễn Thị Lan Anh	ĐS - Tin 2B	8,51	Xuất sắc	BT
21	0771010055	Cao Thị Mai Duyên	ĐS - Tin 2B	8,40	Tốt	
22	0771010056	Trần Văn Đạt	ĐS - Tin 2B	8,49	Tốt	
23	0771010058	Vũ Thị Thu Hà	ĐS - Tin 2B	8,32	Tốt	
24	0771010059	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ĐS - Tin 2B	8,27	Xuất sắc	PBT
25	0771010060	Vũ Thị Hiếu	ĐS - Tin 2B	8,32	Tốt	
26	0771010067	Nguyễn Thị Huyền	ĐS - Tin 2B	8,19	Tốt	
27	0771010069	Trần Thị Hương	ĐS - Tin 2B	8,27	Tốt	
28	0771010070	Trần Thị Hương	ĐS - Tin 2B	8,15	Tốt	
29	0771010073	Vũ Hoàng Linh	ĐS - Tin 2B	8,21	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
30	0771010077	Trương Nguyễn Quế Ly	ĐS - Tin 2B	8,22	Tốt	
31	0771010079	Nguyễn Thị Hồng Minh	ĐS - Tin 2B	8,52	Tốt	
32	0771010082	Bùi Thị Nhài	ĐS - Tin 2B	8,03	Tốt	
33	0771010084	Mai Hồng Nhung	ĐS - Tin 2B	8,18	Tốt	
34	0771010088	Trần Hồng Thắm	ĐS - Tin 2B	8,51	Tốt	
35	0771010089	Tống Thị Thu	ĐS - Tin 2B	8,50	Tốt	
36	0771010090	Trần Thị Thuỷ	ĐS - Tin 2B	8,69	Tốt	
37	0771010092	Nguyễn Đức Toàn	ĐS - Tin 2B	8,13	Xuất sắc	LT
38	0771010093	Trần Thị Yên	ĐS - Tin 2B	8,61	Xuất sắc	LPHT
39	0771050002	Nguyễn Quốc Ban	ĐS - CTM 2	8,08	Xuất sắc	LPHT
40	0771050008	Phạm Công Dương	ĐS - CTM 2	8,20	Tốt	
41	0771050009	Nguyễn Văn Dương	ĐS - CTM 2	8,42	Tốt	UV HSV
42	0771050011	Trần Văn Đạt	ĐS - CTM 2	8,48	Tốt	
43	0771050012	Trương Văn Hiến	ĐS - CTM 2	8,06	Tốt	
44	0771050014	Trịnh Văn Hình	ĐS - CTM 2	8,00	Xuất sắc	BT
45	0771050015	Đàm Minh Hoàng	ĐS - CTM 2	8,32	Xuất sắc	PBT, HSV
46	0771050017	Phạm Văn Huân	ĐS - CTM 2	8,64	Xuất sắc	LT
47	0771050021	Nguyễn Văn Khiêm	ĐS - CTM 2	8,07	Tốt	
48	0771050022	Lưu Văn Ngọc	ĐS - CTM 2	8,05	Tốt	
49	0771050031	Nguyễn Quốc Trung	ĐS - CTM 2	8,14	Xuất sắc	P. UV HSV
50	0771050036	Trần Văn Vĩnh	ĐS - CTM 2	8,51	Xuất sắc	UV
51	0771070007	Nguyễn Đức Hạnh	ĐS - Ôtô 2	8,30	Tốt	
52	0771070009	Đoàn Văn Kiên	ĐS - Ôtô 2	8,48	Xuất sắc	LPHT
53	0771070011	Nguyễn Văn Lượng	ĐS - Ôtô 2	8,18	Tốt	P.BT
54	0771070018	Ngô Văn Thanh	ĐS - Ôtô 2	8,06	Tốt	
55	0771070022	Trần Văn Trung	ĐS - Ôtô 2	8,28	Tốt	HSV
56	0771020001	Trần Thị Thuý An	ĐS - ĐĐT 2	8,17	Xuất sắc	LPĐS
57	0771020014	Phạm Thị Hoà	ĐS - ĐĐT 2	8,18	Xuất sắc	LPHT
58	0771020019	Giáp Văn Khương	ĐS - ĐĐT 2	8,09	Tốt	
59	0771020022	Phạm Thị Len	ĐS - ĐĐT 2	8,38	Xuất sắc	UV
60	0771020023	Lưu Thành Luân	ĐS - ĐĐT 2	8,10	Xuất sắc	BT
61	0771020031	Phạm Viết Thái	ĐS - ĐĐT 2	8,11	Tốt	
62	0771020032	Lê Văn Thành	ĐS - ĐĐT 2	8,17	Tốt	
63	0771020039	Tô Thị Thu Trang	ĐS - ĐĐT 2	8,30	Tốt	
64	0771020040	Nguyễn Huy Trường	ĐS - ĐĐT 2	8,15	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
65	0771030001	Phạm Văn ắm	ĐS - KTĐ 2	8,46	Tốt	
66	0771030015	Trần Thị Luynh	ĐS - KTĐ 2	8,23	Tốt	
67	0771030016	Vũ Thị Phương	ĐS - KTĐ 2	8,05	Tốt	
68	0871010001	Vũ Thị Anh	ĐS - Tin 3	8,41	Xuất sắc	LT, LTLHP
69	0871010004	Hoàng Thị Diệp	ĐS - Tin 3	8,87	Tốt	
70	0871010005	Trần Thị Đào	ĐS - Tin 3	8,72	Tốt	
71	0871010008	Cao Thị Hằng	ĐS - Tin 3	8,19	Tốt	UV
72	0871010009	Bùi Thị Yến	ĐS - Tin 3	8,24	Tốt	
73	0871010010	Phạm Thị Hiền	ĐS - Tin 3	8,55	Tốt	
74	0871010018	Trần Thị Lý	ĐS - Tin 3	8,60	Tốt	
75	0871010020	Đỗ Ngọc Quý	ĐS - Tin 3	8,05	Tốt	PBT
76	0871010025	Hà Thị Thanh Thủy	ĐS - Tin 3	8,11	Xuất sắc	LPĐS
77	0871010026	Vũ Phương Thúy	ĐS - Tin 3	8,49	Tốt	
78	0871010031	Đặng Thị Xanh	ĐS - Tin 3	8,84	Xuất sắc	LPHT
79	0871020005	Nguyễn Việt Lãm	ĐS - ĐĐT 3	8,25	Xuất sắc	LT
80	0871040004	Tạ Quang Hiền	ĐS - ĐĐT 3	8,16	Tốt	
81	0871040005	Bùi Văn Hoan	ĐS - ĐĐT 3	8,64	Xuất sắc	LPHT
82	0871040006	Bùi Duy Huân	ĐS - ĐĐT 3	8,53	Xuất sắc	LPĐS
83	0971010001	Phạm Hải Anh	ĐS - Tin 4	8,41	Tốt	
84	0971010012	Bùi Thị Hải	ĐS - Tin 4	8,14	Tốt	
85	0971010015	Đặng Xuân Hồng	ĐS - Tin 4	8,44	Tốt	
86	0971010033	Nguyễn Thị Lan	ĐS - Tin 4	8,08	Tốt	
87	0971010039	Trần Thị Tuyết Minh	ĐS - Tin 4	8,77	Tốt	
88	0971010043	Cao Thành Nam	ĐS - Tin 4	8,24	Xuất sắc	LT
89	0971010046	Lê Thị Nhung	ĐS - Tin 4	8,49	Tốt	
90	0971010066	Nguyễn Thị Thu	ĐS - Tin 4	8,18	Tốt	
91	0971010067	Nguyễn Thị Thuỷ	ĐS - Tin 4	8,23	Tốt	
92	0971010071	Nguyễn Thị Kiều Trang	ĐS - Tin 4	8,43	Xuất sắc	BT
93	0971010077	Ngô Thị Vân	ĐS - Tin 4	8,14	Tốt	UV
94	0971080008	Nguyễn Thị Hải Yến	ĐS - KHMT 4	8,61	Xuất sắc	BTCĐ
95	0971020012	Trần Văn Đức	ĐS - ĐĐT 4	8,16	Tốt	
96	0971020019	Đỗ Thị Khuyên	ĐS - ĐĐT 4	8,09	Tốt	
97	0971020024	Đàm Thị Luyến	ĐS - ĐĐT 4	8,47	Tốt	
98	0971020025	Nguyễn Thành Minh	ĐS - ĐĐT 4	8,34	Tốt	
99	0971020026	Phạm Đức Năm	ĐS - ĐĐT 4	8,45	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
100	0971040005	Trịnh Thị	Hằng	ĐS - ĐTD 4	8,67	Tốt	
101	0971040021	Trần Sơn	Tùng	ĐS - ĐTD 4	8,10	Xuất sắc	LPHT
102	0841010006	Trịnh Thị	Dung	ĐK - Tin 3A	8,51	Tốt	
103	0841010011	Trần Thị	Hồng	ĐK - Tin 3A	8,25	Tốt	
104	0841010015	Lê Thị	Kiên	ĐK - Tin 3A	8,57	Xuất sắc	PBT
105	0841010019	Vũ Thị Mai	Loan	ĐK - Tin 3A	8,01	Tốt	
106	0841010022	Phạm Thị	Nga	ĐK - Tin 3A	8,17	Xuất sắc	LPĐS
107	0841010026	Đỗ Văn	Quản	ĐK - Tin 3A	8,27	Xuất sắc	LPHT
108	0841010033	Lê Thị Thu	Trang	ĐK - Tin 3A	8,30	Tốt	CHTHSV
109	0841010047	Nguyễn Thị	Hải	ĐK - Tin 3B	8,15	Tốt	
110	0841010048	Đỗ Thị Mĩ	Hạnh	ĐK - Tin 3B	8,03	Tốt	
111	0841010049	Vũ Văn	Hạnh	ĐK - Tin 3B	8,76	Tốt	
112	0841010053	Nguyễn Thị Thuý	Hiền	ĐK - Tin 3B	8,10	Tốt	HTHSV
113	0841010059	Nguyễn Thị	Huyền	ĐK - Tin 3B	8,74	Tốt	
114	0841010061	Phạm Thị	Hương	ĐK - Tin 3B	8,63	Xuất sắc	PBT
115	0841010069	Lê Thuý	Linh	ĐK - Tin 3B	8,10	Tốt	
116	0841010072	Đào Xuân	Lượng	ĐK - Tin 3B	8,45	Tốt	
117	0841010074	Phạm Thị	Miến	ĐK - Tin 3B	8,11	Tốt	
118	0841010091	Bùi Thị	Thuý	ĐK - Tin 3B	8,16	Tốt	
119	0841010111	Nguyễn Thị Hải	Hà	ĐK - Tin 3C	8,42	Tốt	
120	0841010123	Đỗ Đăng	Hoạt	ĐK - Tin 3C	8,06	Tốt	
121	0841010131	Nguyễn Thị	Lan	ĐK - Tin 3C	8,49	Tốt	
122	0841010135	Vũ Thị	Linh	ĐK - Tin 3C	8,24	Tốt	
123	0841010142	Trần Thị Ngọc	Nga	ĐK - Tin 3C	8,22	Tốt	
124	0841010145	Nguyễn Thị	Oanh	ĐK - Tin 3C	8,26	Tốt	
125	0841010147	Nguyễn Thị	Phượng	ĐK - Tin 3C	8,01	Xuất sắc	UV
126	0841010149	Đặng Thị Minh	Sáng	ĐK - Tin 3C	8,36	Tốt	
127	0841010150	Trần Thị	Sen	ĐK - Tin 3C	8,01	Tốt	
128	0841010157	Vũ Thị	Thủy	ĐK - Tin 3C	8,58	Tốt	
129	0841010159	Nguyễn Thị	Trang	ĐK - Tin 3C	8,04	Tốt	
130	0841020045	Mai Thị Kim	Thoa	ĐK - ĐĐT 3A	8,06	Xuất sắc	LPĐS
131	0841020056	Nguyễn Văn	Dũng	ĐK - ĐĐT 3B	8,75	Xuất sắc	LT
132	0841020095	Vũ Thị	Thu	ĐK - ĐĐT 3B	8,05	Tốt	
133	0841020112	Lê Thị Thu	Tuyết	ĐK - ĐĐT 3B	8,71	Tốt	
134	0841030006	Trần Đình	Đạo	ĐK - KTD 3	8,06	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
135	0841030009	Lưu Công	Hạnh	ĐK - KTĐ 3	8,44	Xuất sắc	PBT
136	0841040012	Nguyễn Quang	Hữu	ĐK - ĐTĐ 3A	8,09	Tốt	
137	0841040022	Nguyễn Tiến	Triệu	ĐK - ĐTĐ 3A	8,26	Tốt	
138	0841040027	Khiếu Thị	Chanh	ĐK - ĐTĐ 3B	8,58	Xuất sắc	LPĐS
139	0841040043	Nguyễn Thị	Hoà	ĐK - ĐTĐ 3B	8,24	Xuất sắc	LPHT
140	0841040053	Nguyễn Thị	Nguyệt	ĐK - ĐTĐ 3B	8,54	Xuất sắc	PBT
141	0941010016	Nguyễn Đắc	Giang	ĐK - Tin 4A	8,03	Tốt	
142	0941010019	Nguyễn Thị	Hàng	ĐK - Tin 4A	8,35	Tốt	P.BT
143	0941010020	Phan Thị	Hàng	ĐK - Tin 4A	8,59	Xuất sắc	LPHT
144	0941010037	Trần Trường	Ninh	ĐK - Tin 4A	8,00	Xuất sắc	LT
145	0941010039	Đặng Việt	Quang	ĐK - Tin 4A	8,29	Xuất sắc	LPĐS
146	0941010059	Vũ Thị	Hàng	ĐK - Tin 4B	8,16	Tốt	PBT
147	0941010063	Kim Thị	Hường	ĐK - Tin 4B	8,11	Xuất sắc	LPĐS
148	0941010073	Đặng Đình	Phú	ĐK - Tin 4B	8,20	Tốt	
149	0941010077	Nguyễn Văn	Thanh	ĐK - Tin 4B	8,27	Xuất sắc	LPHT
150	0941080003	Nguyễn Thị	Hoa	ĐK - KHMT 4	8,18	Xuất sắc	LPĐS
151	0941080009	Phan Thị	Ngân	ĐK - KHMT 4	8,25	Xuất sắc	PBT
152	0941030026	Vũ Văn	Thưởng	ĐK - KTĐ 4	8,12	Xuất sắc	HSV
153	0941040012	Hoàng Văn	Hiệp	ĐK - ĐTĐ 4	8,52	Tốt	
154	09GC710005	Lê Thị Ngọc	Bích	CK - Tin 12A	8,04	Tốt	
155	09GC710019	Phạm Thị	Huế	CK - Tin 12A	8,32	Tốt	
156	09GC710047	Đinh Thị Huyền	Trang	CK - Tin 12A	8,01	Tốt	
157	09GC710051	Trần Danh	Tuân	CK - Tin 12A	8,03	Tốt	
158	09GC710100	Nguyễn Thị	Thùy	CK - Tin 12B	8,18	Tốt	
159	09GC710126	Mai Thu	Hiền	CK - Tin 12C	8,00	Tốt	
160	09GC710128	Nguyễn Thị	Hàng	CK - Tin 12C	8,21	Tốt	
161	09GC710129	Phạm Thị	Hạnh	CK - Tin 12C	8,15	Tốt	
162	09GC710132	Nguyễn Thị	Hương	CK - Tin 12C	8,04	Tốt	
163	09GC710136	Trần Thị Khánh	Ly	CK - Tin 12C	8,48	Tốt	CTHSV
164	09GC710140	Trần Thị	Nhàn	CK - Tin 12C	8,59	Tốt	
165	09GC710143	Phạm Thị	Phượng	CK - Tin 12C	8,06	Tốt	
166	09GC710153	Đông Thị	Trang	CK - Tin 12C	9,16	Tốt	LPHT
167	09GC710161	Trần Thanh	Vân	CK - Tin 12C	9,01	Tốt	
168	09QN020021	Lương Thị	Lan	CĐN - LTMT 3	8,07	Tốt	
169	09QN020024	Trần Thế	Mạnh	CĐN - LTMT 3	8,08	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
170	09QN020035	Hoàng Lê	Thảo	CĐN - LTMT 3	8,01	Tốt	
171	09QN020050	Cao Thị	Vân	CĐN - LTMT 3	8,06	Xuất sắc	LPĐS
172	09QN030002	Trần Thị Nhật	Anh	CĐN - QTM 3	8,12	Tốt	BT
173	09QN030016	Vũ Thị	Huyền	CĐN - QTM 3	8,19	Tốt	
174	09QN030027	Trần Thu	Thủy	CĐN - QTM 3	8,00	Tốt	
175	09QN110007	Trần Văn	Duy	CĐN - Hàn 3	8,00	Xuất sắc	LPHT
176	09QN110015	Lê Trung	Thành	CĐN - Hàn 3	8,10	Xuất sắc	LT
177	09QN040036	Vũ Văn	Tiến	CĐN - ĐCN 3A	8,18	Xuất sắc	LPHT
178	09QN040046	Hoàng Trần	Tuyên	CĐN - ĐCN 3A	8,00	Tốt	LT
179	09QN050007	Ngô Duy	Đông	CĐN - KTL 3	8,92	Xuất sắc	LPHT
180	09QN050013	Nguyễn Bá	Luyến	CĐN - KTL 3	8,96	Xuất sắc	LT
181	09QN120015	Trần Thị	Hàng	CĐN - KTDN 3A	8,09	Tốt	
182	09QN120039	Đinh Thị	Thoan	CĐN - KTDN 3A	8,11	Xuất sắc	LPĐS
183	09QN120083	Nguyễn Thị Hải	Yến	CĐN - KTDN 3B	8,06	Tốt	
184	10QN050033	Dương Văn	Sơn	CĐN - KTL 4	8,03	Tốt	
185	10QN050045	Lê Đức	Tuấn	CĐN - KTL 4	8,15	Xuất sắc	BT

II. Đối với sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
1	1071010021	Trần Phương	Nga	ĐS - Tin 5	3,32	Xuất sắc	LPĐS
2	1071010035	Bùi Thị Hương	Trang	ĐS - Tin 5	3,48	Tốt	LPHT
3	1041010075	Nguyễn Thị	Nguyệt	ĐK - Tin 5B	3,29	Tốt	
4	1062010001	Hà Thị Ngọc	ánh	ĐL - Tin 4A	3,59	Tốt	
5	1062010004	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	ĐL - Tin 4A	3,28	Tốt	
6	1062010008	Trần Ích	Đại	ĐL - Tin 4A	3,44	Tốt	
7	1062010011	Nguyễn Thị Thu	Hà	ĐL - Tin 4A	3,38	Tốt	
8	1062010014	Trần Thị ánh	Hoàn	ĐL - Tin 4A	3,31	Xuất sắc	PBT
9	1062010016	Hoàng Thị	Hồng	ĐL - Tin 4A	3,44	Tốt	
10	1062010018	Nguyễn Thị	Huệ	ĐL - Tin 4A	3,44	Tốt	
11	1062010019	Hoàng Quốc	Hùng	ĐL - Tin 4A	3,28	Tốt	
12	1062010030	Nguyễn Thị	Liên	ĐL - Tin 4A	3,44	Tốt	
13	1062010032	Vũ Thị	Liên	ĐL - Tin 4A	3,63	Tốt	
14	1062010034	Trần Thị	Luyến	ĐL - Tin 4A	3,31	Xuất sắc	BT
15	1062010037	Nguyễn Thị	Minh	ĐL - Tin 4A	3,47	Tốt	TNTN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
16	1062010038	Trần Thị Trà	My	ĐL - Tin 4A	3,34	Tốt	
17	1062010039	Nguyễn Hải	Nam	ĐL - Tin 4A	3,44	Xuất sắc	LT
18	1062010048	Nguyễn Thị	Quyên	ĐL - Tin 4A	3,31	Tốt	
19	1062010051	Lê Thanh	Sơn	ĐL - Tin 4A	3,31	Tốt	
20	1062010053	Trịnh Thị Hoài	Thanh	ĐL - Tin 4A	3,28	Tốt	
21	1062010056	Đỗ Thị	Thoa	ĐL - Tin 4A	3,25	Tốt	
22	1062010060	Hoàng Thị	Thù	ĐL - Tin 4A	3,38	Tốt	
23	1062010062	Nguyễn Thanh	Thúy	ĐL - Tin 4A	3,25	Tốt	
24	1062010064	Nguyễn Thị Thanh	Bình	ĐL - Tin 4B	3,94	Tốt	
25	1062010067	Vũ Thị	Chính	ĐL - Tin 4B	3,66	Tốt	
26	1062010068	Khương Thị Bích	Diệp	ĐL - Tin 4B	3,44	Tốt	
27	1062010070	Vũ Thị	Dung	ĐL - Tin 4B	3,66	Tốt	
28	1062010075	Đinh Thị	Giang	ĐL - Tin 4B	3,59	Tốt	
29	1062010079	Trần Thị Thu	Hà	ĐL - Tin 4B	3,59	Tốt	
30	1062010080	Đào Thị	Hải	ĐL - Tin 4B	3,34	Tốt	
31	1062010081	Hoàng Thị	Hằng	ĐL - Tin 4B	3,31	Tốt	
32	1062010082	Vũ Thị	Hằng	ĐL - Tin 4B	3,38	Tốt	
33	1062010089	Nguyễn Thị	Hương	ĐL - Tin 4B	3,34	Tốt	
34	1062010090	Trần Thị	Hương	ĐL - Tin 4B	3,59	Tốt	
35	1062010094	Hoàng Ngọc	Lan	ĐL - Tin 4B	3,34	Tốt	
36	1062010096	Lê Thị	Liên	ĐL - Tin 4B	3,56	Tốt	
37	1062010100	Đàm Thế	Lưu	ĐL - Tin 4B	3,41	Tốt	
38	1062010107	Phạm Thị	Nguyệt	ĐL - Tin 4B	3,47	Tốt	
39	1062010109	Vũ Thị	Phương	ĐL - Tin 4B	3,22	Tốt	
40	1062010110	Phạm Thị	Quý	ĐL - Tin 4B	3,75	Tốt	
41	1062010111	Đoàn Như	Quỳnh	ĐL - Tin 4B	3,59	Tốt	
42	1062010114	Vũ Văn	Sơn	ĐL - Tin 4B	3,22	Tốt	
43	1062010119	Nguyễn Thanh	Tiếp	ĐL - Tin 4B	3,44	Tốt	
44	1062010120	Nguyễn Thị	Trang	ĐL - Tin 4B	3,38	Tốt	
45	1062010122	Đoàn Thị Hồng	Tuyết	ĐL - Tin 4B	3,25	Tốt	
46	1062010125	Ngô Thị	Vân	ĐL - Tin 4B	3,66	Tốt	
47	1062010126	Hà Thị	Bình	ĐL - Tin 4C	3,25	Tốt	
48	1062010129	Vũ Xuân	Dũng	ĐL - Tin 4C	3,41	Xuất sắc	LT
49	1062010134	Hoàng Thị Thu	Hà	ĐL - Tin 4C	3,38	Tốt	
50	1062010138	Vũ Thị Thúy	Hằng	ĐL - Tin 4C	3,59	Xuất sắc	LPHT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
51	1062010144	Trần Thị	Lan	ĐL - Tin 4C	3,59	Tốt	
52	1062010145	Nguyễn Thị	Liên	ĐL - Tin 4C	3,25	Tốt	
53	1062010149	Đỗ Thị	Nhâm	ĐL - Tin 4C	3,44	Tốt	
54	1062010151	Trần Thị Hà	Phương	ĐL - Tin 4C	3,44	Tốt	
55	1062010154	Vũ Thị	Thái	ĐL - Tin 4C	3,56	Xuất sắc	BT
56	1062010158	Bùi Thị	Thắm	ĐL - Tin 4C	3,72	Tốt	
57	1062010159	Trần Thị	Thắm	ĐL - Tin 4C	3,75	Tốt	NTLHP
58	1062010162	Phạm Tất	Thắng	ĐL - Tin 4C	3,25	Tốt	
59	1062010163	Vũ Thị	Thi	ĐL - Tin 4C	3,34	Xuất sắc	LPĐS
60	1062010165	Nguyễn Thị	Thơm	ĐL - Tin 4C	3,56	Tốt	
61	1062010169	Vũ Thị Mai	Thương	ĐL - Tin 4C	3,69	Tốt	
62	1062010172	Nguyễn Thị	Trang	ĐL - Tin 4C	3,56	Tốt	TNTN
63	1062010173	Nguyễn Thị	Trang	ĐL - Tin 4C	3,63	Tốt	
64	1062010175	Trần Thị	Trinh	ĐL - Tin 4C	3,50	Tốt	
65	1062010180	Vũ Đức	Việt	ĐL - Tin 4C	3,34	Tốt	
66	1062010184	Bùi Thị	Xuyến	ĐL - Tin 4C	3,22	Tốt	
67	1062010185	Đoàn Thị Hải	Yến	ĐL - Tin 4C	3,78	Tốt	
68	1062010186	Nguyễn Thị	Yến	ĐL - Tin 4C	3,31	Tốt	
69	1062050013	Quách Ngọc	Diên	ĐL - CTM 4	3,26	Tốt	
70	1062050025	Đặng Văn	Đội	ĐL - CTM 4	3,26	Xuất sắc	LT
71	1062060011	Vũ Văn	Dưỡng	ĐL - Hàn 4	3,22	Tốt	
72	1062060053	Đoàn Thanh	Tùng	ĐL - Hàn 4	3,22	Tốt	
73	1062070042	Nguyễn Đình	Tuấn	ĐL - Ô tô 4	3,47	Tốt	
74	1062020043	Phan Tú	Mây	ĐL - ĐĐT 4	3,20	Tốt	
75	1062020063	Nguyễn Thị	Thuận	ĐL - ĐĐT 4	3,23	Tốt	
76	1062030010	Phạm Thị Thủy	Cúc	ĐL - KTĐ 4	3,41	Xuất sắc	LPĐS
77	1062030027	Phạm Thị	Gấm	ĐL - KTĐ 4	3,34	Tốt	LPHT
78	1062030028	Trần Thị	Gấm	ĐL - KTĐ 4	3,34	Tốt	LPĐS
79	1062030044	Trần Minh	Khiêm	ĐL - KTĐ 4	3,28	Tốt	UVCHSV
80	1062030047	Nguyễn Thị	Là	ĐL - KTĐ 4	3,22	Tốt	
81	1062030050	Trịnh Thị	Minh	ĐL - KTĐ 4	3,41	Tốt	PBT
82	1062030052	Lương Thế	Ngọc	ĐL - KTĐ 4	3,38	Tốt	
83	1062030054	Đỗ Thị	Nhài	ĐL - KTĐ 4	3,25	Tốt	
84	1062030056	Phạm Huy	Ninh	ĐL - KTĐ 4	3,28	Tốt	
85	1062030058	Nguyễn Thị	Nội	ĐL - KTĐ 4	3,28	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
86	1062030062	Đỗ Minh	Quyên	ĐL - KTĐ 4	3,41	Xuất sắc	LT
87	1062030063	Ngô Văn	Quỳnh	ĐL - KTĐ 4	3,25	Tốt	
88	1062030070	Nguyễn Trung	Thành	ĐL - KTĐ 4	3,44	Tốt	
89	1062030076	Hà Thị Hoài	Thu	ĐL - KTĐ 4	3,34	Tốt	
90	1062030081	Lâm Văn	Tiến	ĐL - KTĐ 4	3,22	Tốt	
91	1062030082	Nguyễn Đình	Toán	ĐL - KTĐ 4	3,22	Tốt	
92	1062030094	Đỗ Thị	Tuyến	ĐL - KTĐ 4	3,31	Tốt	
93	1062030096	Phạm Như	Văn	ĐL - KTĐ 4	3,31	Tốt	TNTN
94	1062040010	Nguyễn Văn	Duyến	ĐL - ĐTĐ 4	3,20	Tốt	
95	1062040014	Nguyễn Văn	Được	ĐL - ĐTĐ 4	3,20	Tốt	
96	1062040018	Ngô Thị Vân	Hồng	ĐL - ĐTĐ 4	3,30	Xuất sắc	PBTCĐ
97	1062040019	Nguyễn Văn	Huấn	ĐL - ĐTĐ 4	3,23	Tốt	
98	1062040023	Đinh Thị	Lê	ĐL - ĐTĐ 4	3,33	Tốt	
99	1062040026	Tạ Thị	Nga	ĐL - ĐTĐ 4	3,20	Xuất sắc	LPĐS
100	1062040028	Đặng Văn	Phong	ĐL - ĐTĐ 4	3,53	Xuất sắc	UV HSV
101	1062040030	Đặng Lai	Quân	ĐL - ĐTĐ 4	3,37	Tốt	
102	1062040034	Nguyễn Thị Lệ	Thu	ĐL - ĐTĐ 4	3,43	Xuất sắc	CHPHSV
103	1062040037	Phạm Thị Thu	Thủy	ĐL - ĐTĐ 4	3,30	Tốt	
104	1062040039	Nguyễn Văn	Toàn	ĐL - ĐTĐ 4	3,57	Tốt	
105	10FC810020	Nguyễn Ích	Hoàn	CK Tin - K K10	3,21	Tốt	
106	10FC830028	Phạm Việt	Nam	CK KTĐ - K K10	3,24	Xuất sắc	LT
107	10FC830045	Trần Quang	Tuấn	CK KTĐ - K K10	3,21	Xuất sắc	BT

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN KHÁ NĂM HỌC 2010 - 2011

(Kèm theo Quyết định số: 7.77.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 17... tháng 10... năm 2011 của
Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

I. Đối với sinh viên học theo học chế niên chế trong năm học 2010 - 2011

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
1	0771010013	Dương Thị Kim	Hoa	ĐS - Tin 2A	8,07	Khá	
2	0771010016	Nguyễn Hữu	Huân	ĐS - Tin 2A	7,86	Tốt	
3	0771010017	Đặng Thị	Huệ	ĐS - Tin 2A	7,78	Tốt	
4	0771010020	Vũ Thị	Hường	ĐS - Tin 2A	7,87	Khá	
5	0771010024	Vũ Thanh	Loan	ĐS - Tin 2A	7,99	Tốt	
6	0771010035	Nguyễn Thị	Oanh	ĐS - Tin 2A	7,96	Tốt	
7	0771010036	Nguyễn Thị	Phương	ĐS - Tin 2A	7,93	Tốt	
8	0771010041	Nguyễn Thị	Thìn	ĐS - Tin 2A	7,99	Tốt	
9	0771010042	Phan Thị	Thu	ĐS - Tin 2A	7,80	Tốt	
10	0771010048	Dương Văn	Tuyến	ĐS - Tin 2A	7,88	Tốt	
11	0771010051	Nguyễn Thị	Bích	ĐS - Tin 2B	7,96	Tốt	
12	0771010052	Trần Đức	Chính	ĐS - Tin 2B	7,64	Tốt	
13	0771010062	Trần Thị	Hoài	ĐS - Tin 2B	7,91	Tốt	
14	0771010063	Hà Thị	Hồng	ĐS - Tin 2B	7,99	Tốt	
15	0771010072	Nguyễn Trung	Kiên	ĐS - Tin 2B	7,31	Xuất sắc	UV
16	0771010074	Lê Thị Hồng	Loan	ĐS - Tin 2B	8,17	Khá	
17	0771010080	Nguyễn Thị	Mơ	ĐS - Tin 2B	7,90	Tốt	
18	0771010086	Đinh Hoài	Son	ĐS - Tin 2B	7,24	Khá	
19	0771050001	Đinh Văn	Ba	ĐS - CTM 2	7,42	Khá	
20	0771050003	Tạ Duy	Bằng	ĐS - CTM 2	7,51	Khá	
21	0771050004	Phạm Văn	Chinh	ĐS - CTM 2	7,44	Tốt	
22	0771050005	Nguyễn Ngọc	Cường	ĐS - CTM 2	7,95	Tốt	LPĐS
23	0771050007	Nguyễn Viết	Duy	ĐS - CTM 2	7,59	Tốt	
24	0771050019	Doãn Văn	Huỳnh	ĐS - CTM 2	7,60	Tốt	
25	0771050025	Nguyễn Lang	Thanh	ĐS - CTM 2	7,79	Tốt	
26	0771050026	Phạm Văn	Thiem	ĐS - CTM 2	7,83	Tốt	
27	0771050027	Trần Văn	Thìn	ĐS - CTM 2	7,59	Tốt	
28	0771050035	Trần Quang	Vinh	ĐS - CTM 2	7,73	Tốt	
29	0771050037	Nguyễn Xuân	Vũ	ĐS - CTM 2	7,54	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
30	0771060002	Nguyễn Văn	Diễn	ĐS - Hàn 2	7,95	Tốt	
31	0771060003	Trần Văn	Dũng	ĐS - Hàn 2	7,90	Tốt	
32	0771060004	Đới Văn	Đăng	ĐS - Hàn 2	7,86	Xuất sắc	LT, HSV
33	0771060005	Trịnh Hữu	Đoàn	ĐS - Hàn 2	7,87	Tốt	
34	0771060007	Trần Đức	Hiền	ĐS - Hàn 2	7,99	Xuất sắc	LPHT
35	0771060008	Phạm Văn	Hoàn	ĐS - Hàn 2	7,56	Tốt	
36	0771060010	Hoàng Văn	Son	ĐS - Hàn 2	7,66	Tốt	
37	0771070006	Lý Văn	Đức	ĐS - Ôtô 2	7,63	Tốt	
38	0771070013	Nguyễn Văn	Nội	ĐS - Ôtô 2	7,96	Tốt	
39	0771070019	Vũ Văn	Thắng	ĐS - Ôtô 2	7,64	Tốt	
40	0771070020	Vũ Văn	Thoan	ĐS - Ôtô 2	7,77	Tốt	
41	0771070023	Nguyễn Văn	Tú	ĐS - Ôtô 2	7,43	Tốt	
42	0771070024	Nguyễn Ngọc	Tuấn	ĐS - Ôtô 2	7,40	Tốt	
43	0771020002	Hoàng Văn	Bá	ĐS - ĐĐT 2	7,24	Tốt	
44	0771020003	Hoàng Ngọc	Biên	ĐS - ĐĐT 2	7,55	Tốt	
45	0771020004	Nguyễn Ngọc	Chiến	ĐS - ĐĐT 2	7,26	Xuất sắc	CHTHSV
46	0771020006	Vũ Mạnh	Cương	ĐS - ĐĐT 2	7,31	Tốt	
47	0771020009	Nguyễn Văn	Duy	ĐS - ĐĐT 2	7,68	Tốt	
48	0771020010	Phạm Văn	Dương	ĐS - ĐĐT 2	7,47	Tốt	
49	0771020012	Nguyễn Văn	Đông	ĐS - ĐĐT 2	7,75	Xuất sắc	PBT
50	0771020013	Lê Hữu	Hòa	ĐS - ĐĐT 2	7,55	Tốt	
51	0771020016	Nguyễn Văn	Hữu	ĐS - ĐĐT 2	7,18	Tốt	
52	0771020017	Trần Đình	Khánh	ĐS - ĐĐT 2	7,46	Tốt	
53	0771020018	Nguyễn Quang	Khánh	ĐS - ĐĐT 2	7,52	Tốt	
54	0771020020	Tổng Quốc	Kiên	ĐS - ĐĐT 2	7,22	Khá	
55	0771020024	Nguyễn Tiến	Luân	ĐS - ĐĐT 2	7,86	Tốt	
56	0771020026	Phạm Văn	Ngư	ĐS - ĐĐT 2	7,73	Xuất sắc	LT
57	0771020029	Đỗ Văn	Quỳnh	ĐS - ĐĐT 2	7,75	Tốt	
58	0771020030	Lê Ngọc	Sáng	ĐS - ĐĐT 2	7,31	Khá	
59	0771020033	Trần Đức	Thịnh	ĐS - ĐĐT 2	7,37	Tốt	
60	0771020034	Trần Văn	Thuân	ĐS - ĐĐT 2	7,54	Tốt	
61	0771020036	Nguyễn Viết	Thủy	ĐS - ĐĐT 2	7,16	Tốt	
62	0771020042	Lâm	Vũ	ĐS - ĐĐT 2	7,91	Tốt	
63	0771030005	Nguyễn Mạnh	Cường	ĐS - KTĐ 2	7,81	Tốt	
64	0771030007	Chu Quang	Đạt	ĐS - KTĐ 2	7,74	Tốt	LPHT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
65	0771030009	Nguyễn Văn	Đức	ĐS - KTĐ 2	7,96	Xuất sắc	LT
66	0771030014	Vũ Tuấn	Linh	ĐS - KTĐ 2	7,15	Tốt	
67	0771030019	Mai Văn	Tuấn	ĐS - KTĐ 2	7,89	Tốt	
68	0771040004	Vũ Xuân	Đạt	ĐS - ĐTĐ 2	7,16	Tốt	
69	0771040005	Lê Ngọc	Đoan	ĐS - ĐTĐ 2	7,29	Tốt	UV
70	0771040008	Đinh Văn	Hoà	ĐS - ĐTĐ 2	7,25	Tốt	
71	0771040010	Nguyễn Mạnh	Hùng	ĐS - ĐTĐ 2	7,03	Tốt	
72	0771040020	Đặng Hồng	Phong	ĐS - ĐTĐ 2	7,24	Tốt	PBT
73	0771040022	Trần Văn	Phú	ĐS - ĐTĐ 2	7,81	Tốt	
74	0771040023	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	ĐS - ĐTĐ 2	7,70	Tốt	BT
75	0771040035	Đinh Thị	Tuyết	ĐS - ĐTĐ 2	7,91	Tốt	
76	0871010014	Cao Thị Thanh	Huyền	ĐS - Tin 3	7,54	Tốt	
77	0871050004	Phạm Văn	Long	ĐS - CTM 3	7,90	Xuất sắc	BT
78	0871050009	Phạm Đức	Toàn	ĐS - CTM 3	7,51	Tốt	
79	0871070001	Hà Văn	Doanh	ĐS - Ôtô 3	7,34	Tốt	
80	0871070002	Vũ Tiến	Đại	ĐS - Ôtô 3	7,90	Xuất sắc	LT; PBT
81	0871070004	Nguyễn Minh	Đức	ĐS - Ôtô 3	7,78	Xuất sắc	LPHT
82	0871070007	Mai Duy	Thanh	ĐS - Ôtô 3	7,60	Tốt	
83	0871020002	Đỗ Trung	Đức	ĐS - ĐĐT 3	7,55	Khá	
84	0871020012	Ngô Văn	Ngọc	ĐS - ĐĐT 3	7,02	Tốt	
85	0871020015	Nguyễn Minh	Tâm	ĐS - ĐĐT 3	7,99	Tốt	
86	0871020017	Phạm Thị	Thu	ĐS - ĐĐT 3	7,42	Tốt	
87	0871020018	Dương Tuấn	Tùng	ĐS - ĐĐT 3	7,52	Tốt	
88	0871020019	Nguyễn Văn	Uyên	ĐS - ĐĐT 3	7,75	Tốt	
89	0871030001	Trần Cao	Cường	ĐS - KTĐ 3	7,64	Xuất sắc	UV
90	0871040001	Nguyễn Đức	Anh	ĐS - ĐTĐ 3	7,77	Tốt	
91	0871040010	Nguyễn Văn	Nam	ĐS - ĐTĐ 3	7,20	Tốt	
92	0871040017	Phạm Sơn	Tùng	ĐS - ĐTĐ 3	7,60	Xuất sắc	LT
93	0971010006	Phạm Tiến	Duy	ĐS - Tin 4	7,82	Tốt	
94	0971010007	Nguyễn Thị	Đào	ĐS - Tin 4	7,79	Tốt	
95	0971010010	Bùi Hương	Giang	ĐS - Tin 4	7,91	Tốt	
96	0971010014	Vũ Thị Thu	Hiên	ĐS - Tin 4	7,39	Tốt	
97	0971010016	Trần Thị	Hảo	ĐS - Tin 4	7,36	Tốt	
98	0971010018	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	ĐS - Tin 4	7,47	Tốt	
99	0971010020	Trần Thị Thu	Hoài	ĐS - Tin 4	7,49	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
65	0771030009	Nguyễn Văn	Đức	ĐS - KTĐ 2	7,96	Xuất sắc	LT
66	0771030014	Vũ Tuấn	Linh	ĐS - KTĐ 2	7,15	Tốt	
67	0771030019	Mai Văn	Tuấn	ĐS - KTĐ 2	7,89	Tốt	
68	0771040004	Vũ Xuân	Đạt	ĐS - ĐTĐ 2	7,16	Tốt	
69	0771040005	Lê Ngọc	Đoan	ĐS - ĐTĐ 2	7,29	Tốt	UV
70	0771040008	Đinh Văn	Hoà	ĐS - ĐTĐ 2	7,25	Tốt	
71	0771040010	Nguyễn Mạnh	Hùng	ĐS - ĐTĐ 2	7,03	Tốt	
72	0771040020	Đặng Hồng	Phong	ĐS - ĐTĐ 2	7,24	Tốt	PBT
73	0771040022	Trần Văn	Phú	ĐS - ĐTĐ 2	7,81	Tốt	
74	0771040023	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	ĐS - ĐTĐ 2	7,70	Tốt	BT
75	0771040035	Đinh Thị	Tuyết	ĐS - ĐTĐ 2	7,91	Tốt	
76	0871010014	Cao Thị Thanh	Huyền	ĐS - Tin 3	7,54	Tốt	
77	0871050004	Phạm Văn	Long	ĐS - CTM 3	7,90	Xuất sắc	BT
78	0871050009	Phạm Đức	Toàn	ĐS - CTM 3	7,51	Tốt	
79	0871070001	Hà Văn	Doanh	ĐS - Ôtô 3	7,34	Tốt	
80	0871070002	Vũ Tiến	Đại	ĐS - Ôtô 3	7,90	Xuất sắc	LT; PBT
81	0871070004	Nguyễn Minh	Đức	ĐS - Ôtô 3	7,78	Xuất sắc	LPHT
82	0871070007	Mai Duy	Thanh	ĐS - Ôtô 3	7,60	Tốt	
83	0871020002	Đỗ Trung	Đức	ĐS - ĐĐT 3	7,55	Khá	
84	0871020012	Ngô Văn	Ngọc	ĐS - ĐĐT 3	7,02	Tốt	
85	0871020015	Nguyễn Minh	Tâm	ĐS - ĐĐT 3	7,99	Tốt	
86	0871020017	Phạm Thị	Thu	ĐS - ĐĐT 3	7,42	Tốt	
87	0871020018	Dương Tuấn	Tùng	ĐS - ĐĐT 3	7,52	Tốt	
88	0871020019	Nguyễn Văn	Uyên	ĐS - ĐĐT 3	7,75	Tốt	
89	0871030001	Trần Cao	Cường	ĐS - KTĐ 3	7,64	Xuất sắc	UV
90	0871040001	Nguyễn Đức	Anh	ĐS - ĐTĐ 3	7,77	Tốt	
91	0871040010	Nguyễn Văn	Nam	ĐS - ĐTĐ 3	7,20	Tốt	
92	0871040017	Phạm Sơn	Tùng	ĐS - ĐTĐ 3	7,60	Xuất sắc	LT
93	0971010006	Phạm Tiến	Duy	ĐS - Tin 4	7,82	Tốt	
94	0971010007	Nguyễn Thị	Đào	ĐS - Tin 4	7,79	Tốt	
95	0971010010	Bùi Hương	Giang	ĐS - Tin 4	7,91	Tốt	
96	0971010014	Vũ Thị Thu	Hiên	ĐS - Tin 4	7,39	Tốt	
97	0971010016	Trần Thị	Hảo	ĐS - Tin 4	7,36	Tốt	
98	0971010018	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	ĐS - Tin 4	7,47	Tốt	
99	0971010020	Trần Thị Thu	Hoài	ĐS - Tin 4	7,49	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
100	0971010021	Vũ Thị Thu	Hoài	ĐS - Tin 4	7,25	Tốt	
101	0971010023	Hoàng Thị	Huệ	ĐS - Tin 4	7,38	Tốt	
102	0971010025	Nguyễn Thị	Hường	ĐS - Tin 4	7,75	Xuất sắc	CHTHSV
103	0971010029	Trần Thị	Khuyên	ĐS - Tin 4	7,97	Tốt	
104	0971010032	Nguyễn Thị	Lan	ĐS - Tin 4	7,52	Tốt	
105	0971010034	Phạm Thị	Lan	ĐS - Tin 4	7,12	Tốt	
106	0971010038	Đào Thị	Mai	ĐS - Tin 4	7,85	Tốt	
107	0971010042	Phạm Thị	Nụ	ĐS - Tin 4	7,97	Tốt	
108	0971010048	Trần Lan	Phương	ĐS - Tin 4	7,41	Tốt	
109	0971010049	Trần Thị Mai	Phương	ĐS - Tin 4	7,70	Tốt	
110	0971010056	Nguyễn Thị	Sinh	ĐS - Tin 4	7,16	Tốt	
111	0971010064	Nguyễn Thị	Thêm	ĐS - Tin 4	7,93	Tốt	
112	0971010068	Nguyễn Thị	Thuận	ĐS - Tin 4	7,83	Xuất sắc	
113	0971010069	Nguyễn Thị	Thúy	ĐS - Tin 4	7,64	Tốt	
114	0971010070	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	ĐS - Tin 4	7,34	Tốt	
115	0971080003	Đoàn Thị	Mai	ĐS - KHMT 4	7,75	Tốt	
116	0971050016	Phạm Văn	Truyền	ĐS - CTM 4	7,33	Tốt	
117	0971050018	Đinh Trần	Tuấn	ĐS - CTM 4	7,79	Xuất sắc	LT
118	0971070004	Phạm Trung	Dũng	ĐS - Ôtô 4	7,38	Tốt	
119	0971070012	Lê Tiến	Nghị	ĐS - Ôtô 4	7,34	Xuất sắc	P.BT
120	0971070015	Cao Văn	Tuyền	ĐS - Ôtô 4	7,21	Xuất sắc	UVBCH
121	0971020001	Hoàng Thị Kim	Anh	ĐS - ĐĐT 4	7,84	Xuất sắc	LPHT
122	0971020011	Lã Minh	Đức	ĐS - ĐĐT 4	7,31	Tốt	
123	0971020031	Nguyễn Thị	Sợi	ĐS - ĐĐT 4	7,94	Tốt	
124	0971020038	Nguyễn Văn	Tú	ĐS - ĐĐT 4	7,22	Tốt	
125	0971030009	Nguyễn Thị Mai	Hương	ĐS - KTĐ 4	7,87	Xuất sắc	BT
126	0971030013	Vũ Thị	Thảo	ĐS - KTĐ 4	7,63	Tốt	
127	0971040016	Nguyễn Văn	Toản	ĐS - ĐTĐ 4	7,36	Tốt	
128	0841010001	Phạm Thị	An	ĐK - Tin 3A	7,16	Tốt	
129	0841010009	Phạm Thị	Hảo	ĐK - Tin 3A	7,79	Tốt	
130	0841010016	Nguyễn Văn	Lập	ĐK - Tin 3A	7,12	Tốt	
131	0841010020	Bùi Thị Thanh	Loan	ĐK - Tin 3A	7,46	Tốt	
132	0841010030	Nguyễn Thị	Thắm	ĐK - Tin 3A	7,98	Tốt	
133	0841010031	Vũ Thị	Thơm	ĐK - Tin 3A	7,45	Tốt	
134	0841010036	Mai Tú	Anh	ĐK - Tin 3B	7,27	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
135	0841010052	Nguyễn Thị	Hiền	ĐK - Tin 3B	7,22	Tốt	
136	0841010055	Mai Thị	Hoa	ĐK - Tin 3B	7,92	Tốt	
137	0841010056	Lại Thị	Hoài	ĐK - Tin 3B	7,13	Tốt	
138	0841010064	Nguyễn Văn	Kiên	ĐK - Tin 3B	7,68	Xuất sắc	BT
139	0841010065	Nguyễn Thị	Lan	ĐK - Tin 3B	7,87	Tốt	
140	0841010068	Trần Thị	Liên	ĐK - Tin 3B	7,97	Xuất sắc	LT
141	0841010075	Nguyễn Thị	Mơ	ĐK - Tin 3B	7,81	Tốt	
142	0841010078	Lê Hồng	Nhân	ĐK - Tin 3B	7,69	Tốt	
143	0841010079	Quách Thị Hồng	Phấn	ĐK - Tin 3B	7,35	Tốt	
144	0841010085	Trịnh Thị Minh	Tâm	ĐK - Tin 3B	7,64	Tốt	
145	0841010093	Lê Thị Thu	Trang	ĐK - Tin 3B	7,65	Tốt	
146	0841010100	Đinh Thị	Yến	ĐK - Tin 3B	7,53	Tốt	
147	0841010102	Chu Thị	Băng	ĐK - Tin 3C	7,39	Tốt	
148	0841010104	Phạm Thị	Cúc	ĐK - Tin 3C	7,53	Tốt	
149	0841010106	Nguyễn Trần	Cường	ĐK - Tin 3C	7,92	Xuất sắc	LT
150	0841010107	Phạm Thị	Dung	ĐK - Tin 3C	7,36	Tốt	
151	0841010108	Nguyễn Văn	Duy	ĐK - Tin 3C	7,87	Tốt	
152	0841010110	Nguyễn Thị Thu	Giang	ĐK - Tin 3C	7,48	Tốt	
153	0841010117	Đỗ Thị Thu	Hiền	ĐK - Tin 3C	7,82	Tốt	
154	0841010118	Phạm Thị Thu	Hiền	ĐK - Tin 3C	7,93	Tốt	
155	0841010122	Nguyễn Thị	Hoài	ĐK - Tin 3C	7,72	Tốt	
156	0841010125	Nguyễn Hữu	Huy	ĐK - Tin 3C	7,25	Xuất sắc	
157	0841010127	Nguyễn Thị	Hương	ĐK - Tin 3C	7,85	Tốt	
158	0841010128	Trần Thị	Hương	ĐK - Tin 3C	7,76	Tốt	
159	0841010132	Đàm Thị	Liên	ĐK - Tin 3C	7,73	Tốt	
160	0841010133	Nguyễn Thị	Liên	ĐK - Tin 3C	7,67	Tốt	
161	0841010134	Lê Thị	Liêu	ĐK - Tin 3C	7,57	Tốt	
162	0841010143	Vũ Thị	Ngà	ĐK - Tin 3C	7,40	Tốt	
163	0841010144	Nguyễn Thị	Ngân	ĐK - Tin 3C	7,87	Tốt	
164	0841010148	Thân Thị Lệ	Quyên	ĐK - Tin 3C	7,90	Xuất sắc	HSV
165	0841010151	Vũ Thị	Tâm	ĐK - Tin 3C	7,75	Tốt	
166	0841010155	Chu Thị	Thơm	ĐK - Tin 3C	7,83	Tốt	
167	0841010163	Vũ Thị ánh	Tuyết	ĐK - Tin 3C	7,55	Tốt	
168	0841050029	Phạm Văn	Thái	ĐK - CTM 3A	7,82	Tốt	
169	0841050040	Nguyễn Văn	Tuyên	ĐK - CTM 3A	7,25	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
170	0841060004	Vũ Xuân	Dương	ĐK - Hàn 3	7,03	Tốt	
171	0841060008	Nguyễn Sĩ	Hoả	ĐK - Hàn 3	7,75	Khá	
172	0841060014	Trương Đức	Thành	ĐK - Hàn 3	7,17	Tốt	
173	0841060017	Nguyễn Văn	Thọ	ĐK - Hàn 3	7,87	Xuất sắc	UVĐTN
174	0841060019	Lã Mạnh	Thủy	ĐK - Hàn 3	7,65	Xuất sắc	LPĐS
175	0841060021	Đinh Ngọc	Tiếp	ĐK - Hàn 3	7,36	Tốt	
176	0841060022	Lê Quang	Trường	ĐK - Hàn 3	7,12	Xuất sắc	UVĐTN
177	0841070018	Nguyễn Văn	Lưu	ĐK - Ôtô 3	7,67	Tốt	LPĐS
178	0841070022	Phạm Văn	Ninh	ĐK - Ôtô 3	7,49	Tốt	
179	0841070026	Đinh Văn	Phúc	ĐK - Ôtô 3	7,13	Tốt	
180	0841070030	Hoàng Xuân	Thành	ĐK - Ôtô 3	7,61	Tốt	
181	0841070039	Đinh Như	Tiếp	ĐK - Ôtô 3	7,47	Tốt	
182	0841020005	Lã Thanh	Bình	ĐK - ĐĐT 3A	7,06	Tốt	
183	0841020006	Nguyễn Văn	Cường	ĐK - ĐĐT 3A	7,22	Tốt	
184	0841020025	Nguyễn Gia	Hùng	ĐK - ĐĐT 3A	7,25	Tốt	
185	0841020031	Đào Thị	Miễn	ĐK - ĐĐT 3A	7,87	Tốt	
186	0841020036	Vi Thị	Quỳnh	ĐK - ĐĐT 3A	7,01	Tốt	
187	0841020050	Đào Ngọc	ánh	ĐK - ĐĐT 3B	7,47	Tốt	
188	0841020061	Trịnh Văn	Đồng	ĐK - ĐĐT 3B	7,33	Tốt	
189	0841020062	Nguyễn Minh	Đức	ĐK - ĐĐT 3B	7,40	Tốt	
190	0841020066	Nguyễn Văn	Hiệp	ĐK - ĐĐT 3B	7,77	Khá	
191	0841020068	Vũ Thị	Hình	ĐK - ĐĐT 3B	7,64	Tốt	UV CHSV
192	0841020076	Đinh Thị Thuỳ	Linh	ĐK - ĐĐT 3B	7,21	Khá	
193	0841020091	Phạm Văn	Thắng	ĐK - ĐĐT 3B	7,32	Tốt	
194	0841020093	Phạm Văn	Thịnh	ĐK - ĐĐT 3B	7,63	Tốt	
195	0841020098	Lê Duy	Thực	ĐK - ĐĐT 3B	7,85	Tốt	
196	0841020101	Trần Trọng	Toàn	ĐK - ĐĐT 3B	7,00	Tốt	
197	0841020105	Lê Viết	Trung	ĐK - ĐĐT 3B	7,25	Tốt	
198	0841020110	Trần Văn	Tùng	ĐK - ĐĐT 3B	7,45	Tốt	
199	0841020111	Vũ Văn	Tuyến	ĐK - ĐĐT 3B	7,81	Tốt	
200	0841020116	Mạc Văn	Vy	ĐK - ĐĐT 3B	7,80	Xuất sắc	LPHT
201	0841030019	Hà Thị An	Ninh	ĐK - KTĐ 3	7,98	Tốt	
202	0841030027	Lê Xuân	Quyền	ĐK - KTĐ 3	7,87	Tốt	
203	0841030029	Trịnh Xuân	Thương	ĐK - KTĐ 3	7,52	Xuất sắc	LT
204	0841030035	Trần Anh	Tuấn	ĐK - KTĐ 3	7,59	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
205	0841030036	Lê Huy	Tuấn	ĐK - KTĐ 3	7,61	Tốt	
206	0841040003	Lê Hồng	Duy	ĐK - ĐTĐ 3A	7,97	Xuất sắc	BT
207	0841040005	Trần Đức	Giá	ĐK - ĐTĐ 3A	7,28	Tốt	
208	0841040007	Lê Thanh	Hải	ĐK - ĐTĐ 3A	7,51	Tốt	
209	0841040008	Khuong Đức	Hạnh	ĐK - ĐTĐ 3A	7,94	Tốt	
210	0841040034	Vũ Văn	Đạt	ĐK - ĐTĐ 3B	7,33	Tốt	
211	0841040039	Trần Văn	Hải	ĐK - ĐTĐ 3B	7,92	Xuất sắc	LT
212	0841040041	Trần Thị	Hảo	ĐK - ĐTĐ 3B	7,59	Tốt	
213	0841040044	Trần Văn	Huấn	ĐK - ĐTĐ 3B	7,47	Tốt	
214	0841040049	Trần Thị	Loan	ĐK - ĐTĐ 3B	7,78	Tốt	
215	0841040057	Nguyễn Đức	Thanh	ĐK - ĐTĐ 3B	7,57	Xuất sắc	HSV
216	0941010003	Trịnh Văn	Bình	ĐK - Tin 4A	7,46	Tốt	TNTN
217	0941010006	Vũ Thị Kim	Chi	ĐK - Tin 4A	7,28	Tốt	BT,TNTN
218	0941010007	Phạm Văn	Chiến	ĐK - Tin 4A	7,21	Tốt	
219	0941010026	Hoàng Thị Thuý	Hường	ĐK - Tin 4A	7,69	Tốt	
220	0941010029	Phạm Thị	Lụa	ĐK - Tin 4A	7,87	Tốt	
221	0941010034	Đào Thị	Ngân	ĐK - Tin 4A	7,74	Tốt	
222	0941010036	Trịnh Thị	Nhinh	ĐK - Tin 4A	7,85	Tốt	
223	0941010040	Ngô Thị	Quỳnh	ĐK - Tin 4A	7,29	Tốt	CTHSV
224	0941010041	Trần ái	Sâm	ĐK - Tin 4A	7,55	Tốt	
225	0941010042	Hoàng Đức	Thắng	ĐK - Tin 4A	7,68	Tốt	
226	0941010045	Bùi Thị	Trang	ĐK - Tin 4A	7,97	Tốt	TNTN
227	0941010047	Ngô Thị	Tươi	ĐK - Tin 4A	7,06	Tốt	
228	0941010049	Phùng Thị	Vân	ĐK - Tin 4A	7,76	Tốt	
229	0941010050	Trần Thị Hải	Yến	ĐK - Tin 4A	7,67	Tốt	
230	0941010057	Nguyễn Thị	Hồng	ĐK - Tin 4B	7,79	Tốt	
231	0941010058	Trịnh Thị	Hồng	ĐK - Tin 4B	7,38	Tốt	
232	0941010064	Đào Thị	Hương	ĐK - Tin 4B	7,71	Tốt	
233	0941010066	Đinh Thị	Khuyên	ĐK - Tin 4B	7,58	Tốt	
234	0941010072	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	ĐK - Tin 4B	7,75	Tốt	
235	0941010078	Nguyễn Thị	Thu	ĐK - Tin 4B	7,44	Tốt	
236	0941010079	Nguyễn Thị	Thủy	ĐK - Tin 4B	7,98	Tốt	CHTHSV
237	0941080011	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	ĐK - KHMT 4	7,97	Xuất sắc	LT
238	0941020003	Chu Thị	ánh	ĐK - ĐĐT 4	7,69	Tốt	HSV
239	0941020018	Phan Văn	Đạt	ĐK - ĐĐT 4	7,24	Tốt	HSV

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
240	0941020050	Lưu Xuân	Thắng	ĐK - ĐĐT 4	7,07	Tốt	
241	0941040003	Lê Thị	Bình	ĐK - ĐĐT 4	7,63	Tốt	
242	0941040006	Nguyễn Văn	Doãn	ĐK - ĐĐT 4	7,41	Tốt	LT
243	09GC710002	Bùi Tuấn	Anh	CK - Tin 12A	7,62	Tốt	LT
244	09GC710003	Đinh Vạn Tuấn	Anh	CK - Tin 12A	7,28	Tốt	
245	09GC710008	Nguyễn Mạnh	Cường	CK - Tin 12A	7,59	Tốt	
246	09GC710011	Ngô Quang	Duy	CK - Tin 12A	7,86	Tốt	
247	09GC710012	Phạm Trọng	Duy	CK - Tin 12A	7,70	Tốt	
248	09GC710015	Đặng Thu	Hà	CK - Tin 12A	7,35	Tốt	LPĐS
249	09GC710020	Vũ Thị	Huệ	CK - Tin 12A	7,36	Tốt	
250	09GC710028	Nguyễn Thị	Lý	CK - Tin 12A	7,40	Tốt	P.BT
251	09GC710038	Đỗ Thị	Quế	CK - Tin 12A	7,50	Tốt	LPHT
252	09GC710040	Vũ Ngọc	San	CK - Tin 12A	7,50	Tốt	
253	09GC710041	Trần Văn	Thành	CK - Tin 12A	7,68	Tốt	
254	09GC710042	Trịnh Thị	Thiệt	CK - Tin 12A	7,78	Tốt	
255	09GC710044	Đặng Thị Minh	Thư	CK - Tin 12A	7,54	Tốt	
256	09GC710046	Nguyễn Thị	Tĩnh	CK - Tin 12A	7,93	Tốt	
257	09GC710052	Đỗ Thị	Tuyết	CK - Tin 12A	7,72	Tốt	
258	09GC710054	Nguyễn Thị Lan	Anh	CK - Tin 12B	7,41	Xuất sắc	BT
259	09GC710057	Bùi Thị	Châm	CK - Tin 12B	7,43	Tốt	
260	09GC710067	Bùi Thị	Hiền	CK - Tin 12B	7,51	Tốt	
261	09GC710081	Nguyễn Thị	Mai	CK - Tin 12B	7,75	Tốt	
262	09GC710083	Nguyễn Đình	Mạnh	CK - Tin 12B	7,94	Tốt	
263	09GC710085	Trần Thị	Nga	CK - Tin 12B	7,77	Tốt	
264	09GC710103	Trần Minh	Trang	CK - Tin 12B	7,48	Tốt	
265	09GC710110	Phạm Thị Thuý	An	CK - Tin 12C	7,84	Tốt	
266	09GC710116	Vũ Thị	Cúc	CK - Tin 12C	7,97	Tốt	
267	09GC710117	Trần Thu	Dung	CK - Tin 12C	7,58	Tốt	
268	09GC710130	Trương Thị	Hạnh	CK - Tin 12C	7,79	Tốt	
269	09GC710135	Nguyễn Thị Minh	Lệ	CK - Tin 12C	7,82	Xuất sắc	LT
270	09GC710139	Vũ Thị	Nguyệt	CK - Tin 12C	7,83	Tốt	
271	09GC710142	Phan Thị	Oanh	CK - Tin 12C	7,78	Tốt	
272	09GC710145	Trần Thị	Quy	CK - Tin 12C	7,59	Tốt	
273	09GC710157	Trần Thị ánh	Tuyết	CK - Tin 12C	7,86	Tốt	
274	09GC750012	Lưu Văn	Đường	CK - CTM 12	7,11	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
275	09GC750013	Trần Đăng	Hải	CK - CTM 12	7,27	Xuất sắc	LT
276	09GC750028	Trần Thanh	Tùng	CK - CTM 12	7,40	Xuất sắc	BTCD
277	09GC760001	Trần Trung	Cảnh	CK - Hàn 12	7,51	Xuất sắc	LPDS
278	09GC760002	Đồng Văn	Dụng	CK - Hàn 12	7,52	Tốt	
279	09GC760007	Trần Đăng	Huy	CK - Hàn 12	7,07	Tốt	
280	09GC720009	Trần Văn	Cần	CK - ĐĐT 12	7,88	Xuất sắc	LPHT
281	09GC720024	Phùng Ngọc	Hải	CK - ĐĐT 12	7,08	Tốt	
282	09GC730019	Đinh Thị Hoa	Mai	CK - KTĐ 12	7,16	Xuất sắc	P.BT
283	09GC730027	Nguyễn Phương	Quyên	CK - KTĐ 12	7,29	Xuất sắc	LPDS
284	09GC730029	Hoàng Xuân	Thụ	CK - KTĐ 12	7,85	Xuất sắc	LT
285	09GC730041	Lê Thị	Vân	CK - KTĐ 12	7,40	Tốt	
286	09GC740004	Nguyễn Thị	Bích	CK - ĐTĐ 12	7,19	Xuất sắc	BT
287	09GC740010	Hoàng Mai	Hải	CK - ĐTĐ 12	7,10	Tốt	
288	09GC740018	Trần Văn	Mùi	CK - ĐTĐ 12	7,17	Khá	
289	09GC740021	Triệu Văn	Nghĩa	CK - ĐTĐ 12	7,87	Xuất sắc	LT
290	09GC740022	Trần Hồng	Phương	CK - ĐTĐ 12	7,18	Tốt	
291	09GC740029	Phạm Văn	Tiến	CK - ĐTĐ 12	7,70	Tốt	
292	09GC740032	Phạm Văn	Tuyên	CK - ĐTĐ 12	7,56	Tốt	
293	09QN020014	Lê Tiên	Hoàng	CĐN - LTMT 3	7,07	Tốt	
294	09QN020017	Hoàng Thị Thu	Hường	CĐN - LTMT 3	7,87	Xuất sắc	BT
295	09QN020037	Lê Văn	Thái	CĐN - LTMT 3	7,42	Tốt	
296	09QN020043	Hoàng Thị Mai	Trang	CĐN - LTMT 3	7,80	Tốt	
297	09QN030020	Vũ Thị Thuý	Linh	CĐN - QTM 3	7,92	Tốt	LPDS
298	09QN090022	Trần Văn	Hùng	CĐN - Ôtô 3A	7,30	Tốt	
299	09QN090029	Trần Công	Phú	CĐN - Ôtô 3A	7,10	Tốt	
300	09QN090030	Trần Việt	Quân	CĐN - Ôtô 3A	7,20	Tốt	
301	09QN090033	Phạm Trọng	Thạch	CĐN - Ôtô 3A	7,10	Tốt	
302	09QN090035	Phạm Quang	Thái	CĐN - Ôtô 3A	7,20	Tốt	
303	09QN090040	Trần Như	Tùng	CĐN - Ôtô 3A	7,50	Xuất sắc	LT
304	09QN090053	Trần Văn	Hiến	CĐN - Ôtô 3B	7,80	Tốt	
305	09QN090061	Trịnh Bá	Miễn	CĐN - Ôtô 3B	7,10	Tốt	P.BT
306	09QN090062	Vũ Thành	Nam	CĐN - Ôtô 3B	7,00	Tốt	
307	09QN090064	Lê Xuân	Phú	CĐN - Ôtô 3B	7,50	Tốt	
308	09QN090072	Vũ Văn	Thao	CĐN - Ôtô 3B	7,10	Tốt	
309	09QN090075	Bùi Xuân	Tiến	CĐN - Ôtô 3B	7,40	Xuất sắc	LPHT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
310	09QN100019	Nguyễn Văn	Tiến	CĐN - CGKL 3	7,80	Xuất sắc	LPĐS
311	09QN100022	Triệu Minh	Tuyến	CĐN - CGKL 3	7,10	Tốt	UVĐ
312	09QN040001	Cù Văn	Châu	CĐN - ĐCN 3A	7,21	Tốt	
313	09QN040004	Nguyễn Văn	Dơn	CĐN - ĐCN 3A	7,01	Tốt	
314	09QN040006	Trần Văn	Dũng	CĐN - ĐCN 3A	7,69	Tốt	P.BT
315	09QN040011	Trần Trọng	Hải	CĐN - ĐCN 3A	7,42	Khá	
316	09QN040012	Phan Văn	Hiệp	CĐN - ĐCN 3A	7,11	Tốt	
317	09QN040015	Trần Công	Huy	CĐN - ĐCN 3A	7,84	Tốt	BT
318	09QN040016	Bùi Minh	Khoa	CĐN - ĐCN 3A	7,09	Tốt	
319	09QN040020	Hoàng Văn	Mão	CĐN - ĐCN 3A	7,38	Tốt	
320	09QN040023	Nguyễn Khắc	Nga	CĐN - ĐCN 3A	7,54	Tốt	
321	09QN040027	Trần Đặng	Phương	CĐN - ĐCN 3A	7,18	Tốt	
322	09QN040028	Hà Văn	Tào	CĐN - ĐCN 3A	7,52	Tốt	
323	09QN040030	Trần Đức	Thiện	CĐN - ĐCN 3A	7,00	Tốt	
324	09QN040038	Lê Kim	Tân	CĐN - ĐCN 3A	7,63	Tốt	
325	09QN040039	Đỗ Hữu	Trọng	CĐN - ĐCN 3A	7,40	Khá	
326	09QN040040	Đào Đức	Trung	CĐN - ĐCN 3A	7,74	Tốt	
327	09QN040042	Nguyễn Anh	Tuấn	CĐN - ĐCN 3A	7,36	Tốt	
328	09QN040057	Ngô Văn	Đức	CĐN - ĐCN 3B	7,13	Khá	
329	09QN040058	Mai Đình	Đoán	CĐN - ĐCN 3B	7,88	Tốt	
330	09QN040062	Hoàng Thị	Hoa	CĐN - ĐCN 3B	7,65	Tốt	
331	09QN040066	Nguyễn Văn	Huyền	CĐN - ĐCN 3B	8,13	Khá	
332	09QN040077	Phạm Việt	Phương	CĐN - ĐCN 3B	7,03	Khá	
333	09QN040078	Vũ Văn	Phúc	CĐN - ĐCN 3B	7,72	Khá	
334	09QN040079	Đặng Văn	Quảng	CĐN - ĐCN 3B	7,10	Khá	
335	09QN040084	Bùi Văn	Tiến	CĐN - ĐCN 3B	7,06	Khá	
336	09QN040085	Phạm Văn	Tính	CĐN - ĐCN 3B	7,19	Khá	
337	09QN040089	Tô Văn	Tuấn	CĐN - ĐCN 3B	7,38	Xuất sắc	LT
338	09QN050001	Phạm Duy	Cường	CĐN - KTL 3	7,96	Tốt	
339	09QN050003	Cao Trung	Dũng	CĐN - KTL 3	7,93	Tốt	
340	09QN050004	Nguyễn Văn	Duy	CĐN - KTL 3	7,89	Tốt	
341	09QN050006	Nguyễn Quang	Đại	CĐN - KTL 3	7,34	Tốt	
342	09QN050010	Nguyễn Văn	Hoà	CĐN - KTL 3	7,48	Tốt	
343	09QN050016	Phạm Thanh	Ngọc	CĐN - KTL 3	7,09	Tốt	
344	09QN050017	Trần Tuấn	Ngọc	CĐN - KTL 3	7,62	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
345	09QN050019	Trần Văn	Phong	CĐN - KTL 3	7,11	Tốt	
346	09QN050023	Phạm Văn	Thế	CĐN - KTL 3	7,10	Tốt	
347	09QN050026	Vũ Văn	Thiêng	CĐN - KTL 3	7,41	Tốt	
348	09QN050027	Đào Ngọc	Thắng	CĐN - KTL 3	7,71	Tốt	LPĐS
349	09QN050028	Đinh Văn	Thịnh	CĐN - KTL 3	7,55	Tốt	
350	09QN060021	Đỗ Hữu	Trung	CĐN - LĐĐK 3	7,38	Tốt	
351	09QN060022	Khúc Tiến	Trung	CĐN - LĐĐK 3	7,32	Tốt	
352	09QN120003	Bùi Thị	Bình	CĐN - KTDN 3A	7,41	Tốt	
353	09QN120004	Nguyễn Văn	Chường	CĐN - KTDN 3A	7,23	Tốt	
354	09QN120017	Trần Thị	Hương	CĐN - KTDN 3A	7,82	Tốt	
355	09QN120040	Hoàng Minh	Thái	CĐN - KTDN 3C	7,71	Xuất sắc	HSV
356	09QN120044	Trần Thị	Tươi	CĐN - KTDN 3A	7,48	Tốt	
357	09QN120048	Trần Thị	Vân	CĐN - KTDN 3A	7,51	Tốt	
358	09QN120084	Phạm Thị	Yến	CĐN - KTDN 3B	7,77	Tốt	
359	10QN030005	Nguyễn Kiên	Cường	CĐN - QTM 4	7,20	Tốt	LT
360	10QN030007	Trương Vũ	Hoàng	CĐN - QTM 4	7,18	Tốt	LPHT
361	10QN030018	Lê Thị	Nga	CĐN - QTM 4	7,86	Tốt	
362	10QN030019	Nguyễn Thị	Nhung	CĐN - QTM 4	7,90	Xuất sắc	LPĐS
363	10QN090045	Phạm Đình	Thụ	CĐN - Ôtô 4	7,70	Xuất sắc	LPĐS
364	10QN040003	Kiều Văn	Chiến	CĐN - ĐCN 4A	7,39	Tốt	UV
365	10QN040012	Nguyễn Như	Giảng	CĐN - ĐCN 4A	7,39	Tốt	
366	10QN040015	Trần Công	Hảo	CĐN - ĐCN 4A	7,22	Tốt	
367	10QN040017	Đặng Văn	Hiệp	CĐN - ĐCN 4A	7,36	Tốt	
368	10QN040038	Nguyễn Văn	Phương	CĐN - ĐCN 4A	7,48	Xuất sắc	HSV
369	10QN040047	Trần Đình	Thanh	CĐN - ĐCN 4A	7,10	Khá	
370	10QN040049	Nguyễn Văn	Thứ	CĐN - ĐCN 4A	7,37	Tốt	
371	10QN040053	Vũ Văn	Tĩnh	CĐN - ĐCN 4A	7,84	Tốt	
372	10QN040058	Nguyễn Thị	Tươi	CĐN - ĐCN 4A	7,87	Tốt	
373	10QN040060	Phạm Ngọc	Viên	CĐN - ĐCN 4A	7,18	Tốt	
374	10QN040072	Trần Mạnh	Cường	CĐN - ĐCN 4B	7,33	Tốt	
375	10QN040087	Nguyễn Thành	Lương	CĐN - ĐCN 4B	7,51	Tốt	
376	10QN040094	Hoàng Minh	Quang	CĐN - ĐCN 4B	7,55	Tốt	
377	10QN040102	Đỗ Tất	Thắng	CĐN - ĐCN 4B	7,44	Tốt	
378	10QN040105	Vũ Thị	Thương	CĐN - ĐCN 4B	7,41	Xuất sắc	LT
379	10QN040108	Trương Văn	Trọng	CĐN - ĐCN 4B	7,51	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
380	10QN050003	Đinh Văn	Cửa	CĐN - KTL 4	7,07	Tốt	
381	10QN050009	Trần Văn	Dương	CĐN - KTL 4	7,62	Tốt	
382	10QN050013	Trần Thanh	Giang	CĐN - KTL 4	7,76	Tốt	
383	10QN050020	Lê Mạnh	Lân	CĐN - KTL 4	7,48	Tốt	
384	10QN050024	Nguyễn Hoàng	Nam	CĐN - KTL 4	7,05	Tốt	
385	10QN050026	Nguyễn Thế	Quang	CĐN - KTL 4	7,28	Tốt	
386	10QN050029	Phạm Đức	Quảng	CĐN - KTL 4	7,40	Tốt	
387	10QN050031	Trần Xuân	Quyết	CĐN - KTL 4	7,54	Tốt	
388	10QN050034	Nguyễn Văn	Sơn	CĐN - KTL 4	7,48	Tốt	
389	10QN050035	Nguyễn Tất	Thành	CĐN - KTL 4	7,09	Tốt	
390	10QN050036	Nguyễn Trọng	Thành	CĐN - KTL 4	7,30	Tốt	
391	10QN050040	Đặng Văn	Tiến	CĐN - KTL 4	7,13	Tốt	
392	10QN120009	Đinh Thị Thu	Hà	CĐN - KTDN 4	7,47	Tốt	
393	10QN120011	Trần Thị	Hạnh	CĐN - KTDN 4	7,56	Tốt	
394	10QN120012	Trần Thị	Hằng	CĐN - KTDN 4	7,46	Tốt	
395	10QN120014	Tống Thị	Hoa	CĐN - KTDN 4	7,61	Xuất sắc	LPHT
396	10QN120020	Nguyễn Thị Thu	Hương	CĐN - KTDN 4	7,73	Khá	
397	10QN120021	Hoàng Thị Thu	Hường	CĐN - KTDN 4	7,74	Tốt	
398	10QN120028	Trần Thị Bích	Ngọc	CĐN - KTDN 4	7,80	Khá	
399	10QN120036	Bùi Thị Thu	Thảo	CĐN - KTDN 4	7,47	Khá	
400	10QN120037	Nguyễn Ngọc	Thiện	CĐN - KTDN 4	7,77	Xuất sắc	LT
401	10QN120038	Nguyễn Thị	Thùy	CĐN - KTDN 4	7,92	Tốt	
402	10QN120042	Phan Thị Mai	Tuyển	CĐN - KTDN 4	7,35	Tốt	
403	10QN120044	Trần Thị	Tươi	CĐN - KTDN 4	7,34	Tốt	
404	10QN120045	Trần Thị Bích	Vân	CĐN - KTDN 4	7,31	Tốt	

II. Đối với sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ năm học 2010 - 2011

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
1	1071010005	Đinh Thị	Bích	ĐS - Tin 5	3,06	Tốt	
2	1071010006	Đoàn Thu	Chiên	ĐS - Tin 5	2,97	Tốt	
3	1071010008	Đoàn Thị	Diệu	ĐS - Tin 5	2,84	Tốt	
4	1071010009	Nguyễn Thị	Duyên	ĐS - Tin 5	2,58	Tốt	
5	1071010014	Nguyễn Quang	Hiếu	ĐS - Tin 5	2,55	Tốt	
6	1071010017	Trần Thị Hoài	Linh	ĐS - Tin 5	2,87	Tốt	
7	1071010018	Lê Thị	Linh	ĐS - Tin 5	2,90	Xuất sắc	HSV

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
8	1071010028	Đoàn Thanh	Thảo	ĐS - Tin 5	2,68	Tốt	
9	1071010029	Trần Thị Thanh	Thảo	ĐS - Tin 5	2,61	Tốt	
10	1071010030	Nguyễn Thu	Thảo	ĐS - Tin 5	2,71	Tốt	
11	1071010032	Phạm Thị Thu	Thủy	ĐS - Tin 5	3,10	Tốt	
12	1071010034	Hoàng Thị Hương	Trà	ĐS - Tin 5	2,84	Tốt	
13	1071010037	Nguyễn Thủy	Trang	ĐS - Tin 5	3,00	Tốt	
14	1071010042	Trần Thị	Yến	ĐS - Tin 5	2,81	Tốt	
15	1071080002	Trần Thị Thu	Hiền	ĐS - KHMT 5	3,19	Xuất sắc	LPHT
16	1071020009	Vũ Văn	Linh	ĐS - ĐĐT 5	2,77	Tốt	
17	1041010002	Ninh Thị	Anh	ĐK - Tin 5A	2,84	Khá	
18	1041010010	Lê Thị Thu	Hiền	ĐK - Tin 5A	2,71	Tốt	
19	1041010014	Nguyễn Thị	Hồng	ĐK - Tin 5A	2,74	Tốt	
20	1041010017	Đặng Xuân	Khu	ĐK - Tin 5A	2,97	Tốt	
21	1041010021	Trần Thanh	Mai	ĐK - Tin 5A	2,84	Tốt	
22	1041010031	Nguyễn Thị	Sim	ĐK - Tin 5A	2,84	Tốt	
23	1041010032	Nguyễn Cao	Sơn	ĐK - Tin 5A	2,52	Tốt	
24	1041010043	Phạm Thị	Tươi	ĐK - Tin 5A	2,65	Tốt	
25	1041010057	Mai Thị	Hiền	ĐK - Tin 5B	2,65	Tốt	
26	1041010079	Trần Thị	Sen	ĐK - Tin 5B	2,71	Tốt	
27	1041010080	Phạm Thị	Sinh	ĐK - Tin 5B	2,58	Tốt	
28	1041010081	Lưu Đức	Thành	ĐK - Tin 5B	2,74	Tốt	
29	1041050019	Nguyễn Tiến	Vỹ	ĐK - CTM 5	2,94	Tốt	
30	1041030002	Nguyễn Văn	Cường	ĐK - KTĐ 5	2,68	Xuất sắc	LT
31	1041030015	Nguyễn Mạnh	Linh	ĐK - KTĐ 5	2,58	Tốt	TNTN
32	1041030019	Vũ Bình	Nguyên	ĐK - KTĐ 5	2,58	Tốt	
33	1062010002	Đỗ Đình	Cương	ĐL - Tin 4A	2,94	Tốt	
34	1062010003	Nguyễn Cao	Cường	ĐL - Tin 4A	3,06	Tốt	
35	1062010006	Nguyễn Thị	Dung	ĐL - Tin 4A	3,16	Tốt	
36	1062010007	Hoàng Khánh	Duy	ĐL - Tin 4A	2,72	Tốt	
37	1062010012	Trần Thị	Hải	ĐL - Tin 4A	3,13	Tốt	
38	1062010013	Trần Văn	Hào	ĐL - Tin 4A	3,00	Tốt	
39	1062010017	Trần Thị	Huế	ĐL - Tin 4A	2,91	Tốt	
40	1062010020	Nguyễn Văn	Hùng	ĐL - Tin 4A	3,19	Tốt	
41	1062010021	Trần Thị Hải	Huyền	ĐL - Tin 4A	2,91	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
42	1062010022	Nguyễn Quang	Hưng	ĐL - Tin 4A	3,16	Xuất sắc	CHTHSV
43	1062010025	Đình Tuấn	Khanh	ĐL - Tin 4A	2,97	Xuất sắc	CHPHSV
44	1062010027	Đỗ Trung	Kiên	ĐL - Tin 4A	2,94	Tốt	
45	1062010029	Trần Thị Kim	Liên	ĐL - Tin 4A	3,06	Tốt	
46	1062010031	Nguyễn Thị	Liên	ĐL - Tin 4A	3,03	Tốt	
47	1062010036	Nguyễn Thị Thu	Miền	ĐL - Tin 4A	2,97	Tốt	
48	1062010041	Trần Thị	Nga	ĐL - Tin 4A	3,13	Tốt	
49	1062010042	Vũ Xuân	Nguyên	ĐL - Tin 4A	2,72	Tốt	
50	1062010044	Lê Thị Huyền	Nhung	ĐL - Tin 4A	2,63	Tốt	
51	1062010045	Dương Đình	Phong	ĐL - Tin 4A	3,00	Tốt	
52	1062010046	Vũ Như	Phong	ĐL - Tin 4A	2,88	Tốt	
53	1062010047	Trần Thị Bích	Phương	ĐL - Tin 4A	2,97	Tốt	
54	1062010049	Phan Đình	Quyết	ĐL - Tin 4A	2,69	Tốt	
55	1062010054	Đào Đăng	Thành	ĐL - Tin 4A	2,72	Tốt	
56	1062010055	Trịnh Thị Kim	Thoa	ĐL - Tin 4A	3,03	Tốt	
57	1062010057	Nguyễn Thị	Thoa	ĐL - Tin 4A	3,03	Tốt	
58	1062010058	Phạm Thị	Thoa	ĐL - Tin 4A	3,16	Tốt	
59	1062010061	Nguyễn Đức	Thuận	ĐL - Tin 4A	2,97	Tốt	
60	1062010069	Nguyễn Văn	Doanh	ĐL - Tin 4B	2,91	Tốt	
61	1062010072	Trần Ngọc	Dũng	ĐL - Tin 4B	2,63	Tốt	
62	1062010073	Bùi Văn	Dương	ĐL - Tin 4B	2,75	Tốt	BT
63	1062010076	Nguyễn Thị	Hà	ĐL - Tin 4B	3,16	Tốt	UV
64	1062010078	Phạm Thị Thu	Hà	ĐL - Tin 4B	3,16	Tốt	
65	1062010083	Đình Thị	Hiền	ĐL - Tin 4B	2,94	Tốt	
66	1062010086	Phạm Đức	Hưng	ĐL - Tin 4B	2,91	Tốt	
67	1062010092	Trần Văn	Kiên	ĐL - Tin 4B	2,94	Tốt	PBT
68	1062010095	Đình Thị Thu	Lan	ĐL - Tin 4B	3,16	Tốt	
69	1062010099	Đặng Xuân	Luận	ĐL - Tin 4B	2,97	Tốt	
70	1062010103	Vũ Tuấn	Nam	ĐL - Tin 4B	3,13	Tốt	
71	1062010104	Nguyễn Văn	Nam	ĐL - Tin 4B	3,06	Tốt	
72	1062010106	Tống Văn	Ngoi	ĐL - Tin 4B	2,91	Tốt	
73	1062010108	Chung Thị Lan	Phương	ĐL - Tin 4B	3,13	Tốt	
74	1062010112	Đặng Thị	Sảo	ĐL - Tin 4B	2,59	Tốt	
75	1062010113	Nguyễn Hồng	Sơn	ĐL - Tin 4B	2,78	Tốt	CHTHSV
76	1062010115	Khiếu Thị	Thảo	ĐL - Tin 4B	2,66	Tốt	
77	1062010116	Nguyễn Thanh	Thúy	ĐL - Tin 4B	3,19	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
78	1062010121	Trần Hữu	Tuyến	ĐL - Tin 4B	3,00	Tốt	
79	1062010123	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	ĐL - Tin 4B	3,03	Tốt	
80	1062010124	Trần Thị Minh	Tươi	ĐL - Tin 4B	3,03	Tốt	
81	1062010127	Nguyễn Thành	Chung	ĐL - Tin 4C	3,16	Tốt	
82	1062010128	Vũ Văn	Duẩn	ĐL - Tin 4C	2,69	Tốt	
83	1062010130	Trần Thị	Duyên	ĐL - Tin 4C	3,06	Tốt	
84	1062010131	Nguyễn Thị	Đào	ĐL - Tin 4C	3,03	Tốt	
85	1062010133	Dương Công	Đương	ĐL - Tin 4C	2,97	Tốt	
86	1062010136	Vũ Thị	Hảo	ĐL - Tin 4C	2,97	Tốt	
87	1062010139	Nguyễn Văn	Hiệu	ĐL - Tin 4C	2,84	Tốt	
88	1062010140	Trần Thị Thanh	Hòa	ĐL - Tin 4C	2,97	Tốt	
89	1062010146	Lê Thị	Luyến	ĐL - Tin 4C	3,19	Tốt	
90	1062010153	Nguyễn Thanh	Tâm	ĐL - Tin 4C	2,97	Tốt	
91	1062010155	Bùi Thị	Thanh	ĐL - Tin 4C	3,03	Tốt	
92	1062010156	Nguyễn Thị	Thanh	ĐL - Tin 4C	3,03	Tốt	
93	1062010160	Đỗ Minh	Thắng	ĐL - Tin 4C	2,81	Tốt	
94	1062010164	Phạm Thị	Tho	ĐL - Tin 4C	2,91	Tốt	
95	1062010167	Nguyễn Thị	Thu	ĐL - Tin 4C	3,03	Tốt	
96	1062010170	Trần Mạnh	Tiến	ĐL - Tin 4C	3,16	Tốt	
97	1062010174	Lê Kim	Triển	ĐL - Tin 4C	2,63	Tốt	
98	1062010176	Lã Thị	Tú	ĐL - Tin 4C	2,88	Tốt	
99	1062010177	Phạm Đình	Tuấn	ĐL - Tin 4C	2,94	Tốt	
100	1062010179	Phạm Công	Uyển	ĐL - Tin 4C	3,06	Tốt	
101	1062010182	Đặng Thị	Xuân	ĐL - Tin 4C	3,09	Tốt	
102	1062010183	Trần Thị	Xuân	ĐL - Tin 4C	2,97	Tốt	
103	1062050001	Mai Xuân	An	ĐL - CTM 4	2,90	Tốt	
104	1062050003	Trần Anh	Bá	ĐL - CTM 4	2,77	Tốt	
105	1062050005	Lê Ngọc	Bình	ĐL - CTM 4	2,84	Xuất sắc	CHPHSV
106	1062050007	Nguyễn Văn	Bồng	ĐL - CTM 4	2,87	Tốt	
107	1062050018	Phạm Văn	Đại	ĐL - CTM 4	2,71	Tốt	UV HSV
108	1062050021	Trịnh Văn	Đạt	ĐL - CTM 4	3,13	Tốt	
109	1062050024	Đoàn Mạnh	Điệp	ĐL - CTM 4	3,10	Tốt	
110	1062050029	Đoàn Khánh	Hòa	ĐL - CTM 4	2,77	Tốt	
111	1062050031	Nguyễn Thanh	Hùng	ĐL - CTM 4	3,03	Tốt	
112	1062050032	Phạm Văn	Hùng	ĐL - CTM 4	2,68	Tốt	
113	1062050048	Đinh Thành	Nam	ĐL - CTM 4	2,71	Xuất sắc	P. BT

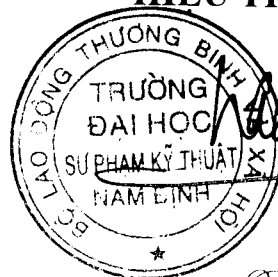
STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
114	1062050057	Vương Thị Như	Quỳnh	ĐL - CTM 4	2,81	Tốt	LPĐS
115	1062050058	Lê Ngọc	Sang	ĐL - CTM 4	3,19	Xuất sắc	LPHT
116	1062050067	Đỗ Văn	Thiện	ĐL - CTM 4	2,74	Tốt	
117	1062050071	Hoàng Văn	Thuấn	ĐL - CTM 4	3,19	Tốt	
118	1062050077	Ninh Văn	Toản	ĐL - CTM 4	2,87	Tốt	
119	1062050080	Phạm Thế	Trung	ĐL - CTM 4	2,68	Tốt	
120	1062050086	Ngô Văn	Vững	ĐL - CTM 4	3,13	Tốt	
121	1062060001	Trần Hữu	Anh	ĐL - Hàn 4	2,97	Tốt	
122	1062060012	Nguyễn Văn	Định	ĐL - Hàn 4	2,59	Tốt	
123	1062060013	Lê Văn	Đoàn	ĐL - Hàn 4	2,75	Tốt	
124	1062060041	Bùi Đức	Sáng	ĐL - Hàn 4	2,72	Xuất sắc	PBT
125	1062060042	Vũ Thái	Sơn	ĐL - Hàn 4	2,97	Tốt	
126	1062060043	Trần Văn	Sơn	ĐL - Hàn 4	2,75	Tốt	
127	1062060046	Nguyễn	Thọ	ĐL - Hàn 4	3,16	Tốt	
128	1062060048	Hồ Sỹ	Thung	ĐL - Hàn 4	3,13	Tốt	
129	1062060051	Nguyễn Trọng	Tú	ĐL - Hàn 4	2,88	Xuất sắc	UVHSV
130	1062060054	Phạm Minh	Tuyến	ĐL - Hàn 4	3,13	Tốt	
131	1062070001	Lê Tuấn	Anh	ĐL - Ôtô 4	2,72	Tốt	
132	1062070005	Vũ Văn	Chí	ĐL - Ôtô 4	2,72	Tốt	BT
133	1062070006	Nguyễn Văn	Chiến	ĐL - Ôtô 4	2,53	Tốt	
134	1062070008	Phan Trọng	Đạt	ĐL - Ôtô 4	2,75	Tốt	
135	1062070022	Đỗ Đức	Lợi	ĐL - Ôtô 4	2,59	Tốt	
136	1062070027	Đặng Thị	Ngà	ĐL - Ôtô 4	2,78	Tốt	
137	1062070039	Trần Xuân	Trường	ĐL - Ôtô 4	3,06	Xuất sắc	LPHT
138	1062070043	Nguyễn Ngọc	Tuấn	ĐL - Ôtô 4	2,81	Xuất sắc	LT
139	1062070046	Trần Thị	Tuyết	ĐL - Ôtô 4	3,16	Xuất sắc	LPĐS
140	1062070049	Kiều Đức	Việt	ĐL - Ôtô 4	2,53	Tốt	
141	1062020006	Vũ Văn	Dung	ĐL - ĐĐT 4	2,83	Tốt	
142	1062020038	Lê Thị	Liên	ĐL - ĐĐT 4	3,13	Xuất sắc	TNTN
143	1062020040	Trần Thị	Lụa	ĐL - ĐĐT 4	2,77	Tốt	
144	1062020041	Vũ Thị	Ly	ĐL - ĐĐT 4	3,13	Tốt	
145	1062020044	Ngô Thị	Mơ	ĐL - ĐĐT 4	3,13	Tốt	TNTN
146	1062020045	Nguyễn Thành	Nam	ĐL - ĐĐT 4	2,83	Tốt	
147	1062020046	Trần Thị Quỳnh	Nga	ĐL - ĐĐT 4	3,07	Tốt	
148	1062020047	Nguyễn Thị	Nga	ĐL - ĐĐT 4	3,00	Tốt	
149	1062020048	Nguyễn Thị	Ngân	ĐL - ĐĐT 4	2,93	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
150	1062020049	Vũ Đức	Nghĩa	ĐL - ĐĐT 4	2,93	Tốt	
151	1062020050	Cao Văn	Ninh	ĐL - ĐĐT 4	2,73	Tốt	
152	1062020051	Nguyễn Tài	Nội	ĐL - ĐĐT 4	2,73	Tốt	
153	1062020053	Ngô Văn	Quang	ĐL - ĐĐT 4	3,07	Xuất sắc	UV CHSV
154	1062020055	Nguyễn Quang	Sang	ĐL - ĐĐT 4	2,83	Tốt	
155	1062020057	Nguyễn Văn	Thanh	ĐL - ĐĐT 4	2,53	Tốt	
156	1062020058	Tổng Trung	Thành	ĐL - ĐĐT 4	3,03	Xuất sắc	BT
157	1062020059	Nguyễn Thị	Thảo	ĐL - ĐĐT 4	2,90	Tốt	
158	1062020060	Nguyễn Văn	Thắng	ĐL - ĐĐT 4	2,80	Tốt	
159	1062020062	Trần Đăng	Thiệp	ĐL - ĐĐT 4	3,00	Tốt	
160	1062020064	Mai Linh	Thùy	ĐL - ĐĐT 4	3,10	Tốt	
161	1062020067	Nguyễn Văn	Trung	ĐL - ĐĐT 4	2,77	Tốt	
162	1062020068	Đặng Văn	Tú	ĐL - ĐĐT 4	2,73	Tốt	
163	1062020069	Trần Anh	Tuấn	ĐL - ĐĐT 4	3,00	Tốt	
164	1062020071	Lê Văn	Tuyên	ĐL - ĐĐT 4	3,10	Xuất sắc	TNTN
165	1062020072	Bùi Thọ	Văn	ĐL - ĐĐT 4	3,17	Xuất sắc	LT
166	1062020075	Đào	Vũ	ĐL - ĐĐT 4	2,57	Tốt	
167	1062020076	Phạm Văn	Vỹ	ĐL - ĐĐT 4	2,77	Tốt	
168	1062030001	Lê Trọng	An	ĐL - KTĐ 4	3,00	Tốt	
169	1062030004	Trần Tuấn	Anh	ĐL - KTĐ 4	2,84	Khá	
170	1062030006	Lê Khánh	Chi	ĐL - KTĐ 4	2,88	Tốt	
171	1062030007	Vũ Công	Chiến	ĐL - KTĐ 4	2,72	Tốt	
172	1062030014	Nguyễn Văn	Dân	ĐL - KTĐ 4	2,59	Tốt	
173	1062030018	Phạm Quang	Dũng	ĐL - KTĐ 4	2,97	Tốt	
174	1062030022	Vũ Văn	Dương	ĐL - KTĐ 4	3,16	Xuất sắc	BT
175	1062030031	Trần Văn	Hậu	ĐL - KTĐ 4	2,78	Tốt	
176	1062030034	Trần Đức	Hoàn	ĐL - KTĐ 4	2,88	Tốt	
177	1062030039	Nguyễn Văn	Huy	ĐL - KTĐ 4	2,75	Tốt	
178	1062030040	Nguyễn Xuân	Huy	ĐL - KTĐ 4	2,88	Tốt	TNTN
179	1062030042	Đinh Thị	Hương	ĐL - KTĐ 4	3,00	Tốt	HSV
180	1062030043	Nguyễn Văn	Khánh	ĐL - KTĐ 4	2,75	Tốt	
181	1062030046	Đỗ Văn	Kiên	ĐL - KTĐ 4	3,13	Xuất sắc	CHPHSV
182	1062030053	Trần Thủy	Nguyên	ĐL - KTĐ 4	3,16	Tốt	
183	1062030055	Nguyễn Thị	Nhường	ĐL - KTĐ 4	3,19	Tốt	
184	1062030057	Vũ Quang	Ninh	ĐL - KTĐ 4	2,84	Tốt	
185	1062030059	Vũ Hồng	Phong	ĐL - KTĐ 4	2,88	Tốt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
186	1062030061	Đỗ Văn	Quân	ĐL - KTĐ 4	3,16	Tốt	
187	1062030067	Trần Văn	Sự	ĐL - KTĐ 4	2,63	Tốt	
188	1062030071	Nguyễn Ngọc	Thắng	ĐL - KTĐ 4	2,78	Tốt	TNTN
189	1062030073	Nguyễn Hữu	Thọ	ĐL - KTĐ 4	3,00	Tốt	
190	1062030075	Nguyễn Sỹ	Thoại	ĐL - KTĐ 4	3,16	Tốt	
191	1062030079	Đỗ Mạnh	Tiến	ĐL - KTĐ 4	2,91	Tốt	
192	1062030084	Vũ Thị	Trang	ĐL - KTĐ 4	3,09	Tốt	
193	1062030086	Đinh Văn	Trang	ĐL - KTĐ 4	2,97	Xuất sắc	CHTHSV
194	1062030087	Nguyễn Văn	Trung	ĐL - KTĐ 4	2,91	Tốt	
195	1062030088	Trần Kim	Trường	ĐL - KTĐ 4	3,00	Tốt	
196	1062030092	Nguyễn Văn	Tuy	ĐL - KTĐ 4	3,13	Tốt	TNTN
197	1062030095	Trần Văn	Ước	ĐL - KTĐ 4	2,75	Tốt	
198	1062030099	Mai Văn	Vụ	ĐL - KTĐ 4	2,97	Tốt	UV
199	1062040009	Nguyễn Thị	Dung	ĐL - ĐTĐ 4	3,00	Tốt	
200	1062040012	Vũ Đoàn	Đại	ĐL - ĐTĐ 4	3,17	Tốt	
201	1062040016	Phạm Hải	Hà	ĐL - ĐTĐ 4	3,00	Tốt	
202	1062040017	Trần Mạnh	Hiếu	ĐL - ĐTĐ 4	3,07	Xuất sắc	BTCĐ
203	1062040021	Vũ Văn	Hung	ĐL - ĐTĐ 4	3,17	Tốt	
204	1062040031	Trần Ngọc	Son	ĐL - ĐTĐ 4	3,03	Tốt	
205	1062040035	Trần Đình	Thuấn	ĐL - ĐTĐ 4	3,10	Xuất sắc	LT
206	1062040041	Mai Đình	Tuân	ĐL - ĐTĐ 4	2,97	Tốt	
207	10GC710039	Dương Thị Ngọc	Lý	CK - Tin 13A	2,50	Tốt	
208	10GC710041	Trần Thị	Mùi	CK - Tin 13A	3,13	Tốt	
209	10GC710043	Trần Thị	Ngoan	CK - Tin 13A	2,60	Xuất sắc	LPHT
210	10GC710044	Lưu Bích	Ngọc	CK - Tin 13A	2,57	Tốt	
211	10GC710077	Trần Thị	Bích	CK - Tin 13B	2,80	Tốt	TNTN
212	10GC710081	Trần Thị	Dung	CK - Tin 13B	2,87	Tốt	
213	10GC710082	Trần Thị	Duyên	CK - Tin 13B	2,97	Tốt	
214	10GC710101	Phạm Thị Thanh	Hương	CK - Tin 13B	2,63	Xuất sắc	TNTN
215	10GC710121	Bùi Thị	Nguyệt	CK - Tin 13B	2,73	Tốt	
216	10GC710123	Nguyễn Thị Thanh	Oanh	CK - Tin 13B	2,80	Tốt	
217	10GC710124	Nguyễn Thị Hồng	Phương	CK - Tin 13B	2,60	Tốt	
218	10GC710132	Trần Thị	Thúy	CK - Tin 13B	2,50	Tốt	
219	10GC770028	Tạ Chí	Linh	CK - Ô tô 13	2,59	Xuất sắc	LPHT
220	10GC720009	Vũ Đình	Dương	CK - ĐĐT 13	2,50	Tốt	
221	10GC720020	Nguyễn Thị	Hoa	CK - ĐĐT 13	2,83	Tốt	UVĐ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	TBCHT năm học	KQRL năm học	Ghi chú
222	10GC720026	Nguyễn Thị	Lan	CK - ĐĐT 13	2,60	Tốt	LPĐS
223	10GC720032	Phạm Thị	Miến	CK - ĐĐT 13	2,83	Tốt	
224	10GC720035	Trần Thị	Nguyên	CK - ĐĐT 13	2,60	Tốt	
225	10GC720048	Trần Quyết	Thắng	CK - ĐĐT 13	2,67	Tốt	
226	10GC720051	Nguyễn Xuân	Thoại	CK - ĐĐT 13	2,80	Tốt	
227	10GC730017	Đỗ Thị Thương	Huyền	CK - KTĐ 13	2,97	Xuất sắc	BT
228	10GC740022	Trịnh Thị Kim	Nguyệt	CK - ĐĐT 13	2,67	Xuất sắc	P.BT
229	10GC740023	Trần Thị	Nhâm	CK - ĐĐT 13	3,00	Xuất sắc	LPHT
230	10FC810002	Đào Hải	Anh	CK Tin - K K10	2,56	Tốt	
231	10FC810013	Trịnh Thị	Dệt	CK Tin - K K10	2,97	Tốt	
232	10FC810021	Đoàn Văn	Hoàng	CK Tin - K K10	2,94	Xuất sắc	BT
233	10FC810027	Trần Thị Thuỳ	Linh	CK Tin - K K10	2,91	Tốt	
234	10FC810036	Bùi Thị	Thắm	CK Tin - K K10	2,97	Xuất sắc	P. BT
235	10FC810041	Đỗ Thị	Thu	CK Tin - K K10	2,88	Tốt	
236	10FC810046	Đoàn Thị Hải	Yến	CK Tin - K K10	2,88	Xuất sắc	LPĐS
237	10FC840002	Trần Văn	Công	CK CTM - K K10	2,67	Tốt	
238	10FC840003	Tạ Xuân	Cường	CK CTM - K K10	2,72	Xuất sắc	LT
239	10FC850011	Vũ Văn	Lượng	CK Hàn - K K10	2,89	Xuất sắc	LPHT
240	10FC820017	Nguyễn Thị Thương	Thương	CK ĐĐT - K K10	3,00	Xuất sắc	LPĐS
241	10FC830027	Phạm Ngọc	Mai	CK KTĐ - K K10	2,85	Xuất sắc	LPĐS
242	10FC830032	Lê Thanh	Sơn	CK KTĐ - K K10	3,03	Xuất sắc	LPHT
243	10FC830039	Nguyễn Văn	Tiến	CK KTĐ - K K10	3,09	Tốt	

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Sỹ Nghĩa